

**XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH  
LIÊN QUAN ĐẾN**

**Doanh nghiệp**

**TRONG MỘT SỐ LĨNH VỰC**

**Mã số: TPC/K - 19 - 30**

**4746-2019/CXBIPH/02-430/TP**

**BỘ TƯ PHÁP**

**BAN QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ PHÁP LÝ LIÊN NGÀNH  
DÀNH CHO DOANH NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2015 - 2020**

**XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH  
LIÊN QUAN ĐẾN**

**Doanh nghiệp**

**TRONG MỘT SỐ LĨNH VỰC**

**NHÀ XUẤT BẢN TƯ PHÁP  
HÀ NỘI - 2019**

**BIÊN SOẠN:**

**ThS. Nguyễn Thị Thu Hương**

## LỜI GIỚI THIỆU

Pháp luật nói chung và các quy định về pháp luật xử lý vi phạm hành chính nói riêng không phải khi nào cũng được doanh nghiệp và mọi người dân trong xã hội biết đến, tìm hiểu, đồng tình ủng hộ và thực hiện nghiêm chỉnh, mà phải thông qua công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật dưới nhiều phương thức cụ thể khác nhau.

Doanh nghiệp là một tổ chức kinh tế được thành lập theo Luật Doanh nghiệp. Doanh nghiệp theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 là đối tượng bị xử phạt nếu có vi phạm pháp luật. Với tư cách là một chủ thể của quan hệ pháp luật, doanh nghiệp phải có hiểu biết về quyền và nghĩa vụ của mình khi bị xử lý vi phạm pháp luật.

Thực hiện Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp giai đoạn 2015 - 2020 nhằm đạt tới mục đích: tất cả mọi công dân, trong đó có doanh nghiệp hiểu biết pháp luật, làm theo quy định của pháp luật, sử dụng phương tiện pháp luật để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình khi bị xâm phạm, Ban Quản lý Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp giai đoạn 2015 - 2020 phối hợp với Nhà xuất bản Tư pháp xuất bản cuốn ***“Xử lý vi phạm hành chính liên quan đến doanh nghiệp trong một số lĩnh vực”***.

Được biên soạn từ các quy định của pháp luật xử lý vi phạm hành chính, từ tài liệu các vụ xử phạt vi phạm hành chính đã công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, và các vụ xử phạt vi phạm hành chính có khiếu nại, khiếu kiện thời gian qua, nội dung của cuốn sách sẽ cung cấp những vấn đề rất cơ bản về xử lý vi phạm hành chính có liên quan đến doanh nghiệp vi phạm pháp luật, những vấn đề pháp lý còn tồn tại qua các vụ xử lý vi phạm hành chính đối với doanh nghiệp ở một số lĩnh vực quản lý nhà nước cụ thể. Từ đó góp phần

truyền bá những thông tin pháp lý cho doanh nghiệp, rút ra các kinh nghiệm nhằm thúc đẩy việc sử dụng pháp luật như một công cụ chủ yếu trong việc chuyển các chính sách, pháp luật về xử lý vi phạm pháp luật thành những hành động trong thực tế của các doanh nghiệp nói riêng và các chủ thể nói chung.

Nội dung cuốn sách gồm 02 phần:

- Phần A. Một số vấn đề cơ bản về xử lý vi phạm hành chính liên quan đến doanh nghiệp vi phạm pháp luật;
- Phần B. Xử phạt vi phạm hành chính đối với doanh nghiệp vi phạm pháp luật trong một số lĩnh vực.

Trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc!

*Hà Nội, tháng 12 năm 2019*

**BAN QUẢN LÝ**  
**CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ PHÁP LÝ LIÊN NGÀNH**  
**DÀNH CHO DOANH NGHIỆP**  
**GIAI ĐOẠN 2015 - 2020**

**Phần A**  
**MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN**  
**VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN**  
**DOANH NGHIỆP VI PHẠM PHÁP LUẬT**



## **1. Vi phạm hành chính**

Điều 2 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 đã định nghĩa vi phạm hành chính như sau: “*Vi phạm hành chính là hành vi có lỗi do cá nhân, tổ chức thực hiện, vi phạm quy định của pháp luật về quản lý nhà nước mà không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính*”.

Từ định nghĩa vi phạm hành chính trên đây có thể khái quát vi phạm hành chính là hành vi có lỗi, trái với pháp luật về quản lý nhà nước và phải bị xử phạt.

### **1.1. Các dấu hiệu pháp lý cơ bản của vi phạm hành chính**

- Tính trái pháp luật của hành vi: hành vi là hình thức biểu hiện ra bên ngoài của vi phạm hành chính. Không có hành vi thì không có vi phạm pháp luật nói chung và vi phạm hành chính nói riêng. Con người chỉ chịu trách nhiệm về hành vi của mình và việc đánh giá con người phải thông qua hành vi của người đó. Hành vi được biểu hiện dưới hình thức hành động (ví dụ như hành vi kinh doanh hàng giả, hàng lậu...) hoặc không hành động (như hành vi không đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động, trốn thuế...). Đó là những hành vi được thực hiện ngược lại với quy định của pháp luật.

Chỉ cần có hành động hoặc không hành động như trên là có thể phải chịu trách nhiệm hành chính, bất luận là hậu quả của hành vi đã xảy ra hay chưa. Nếu vi phạm hành chính đã gây ra hậu quả thì phải xác định có mối liên hệ nhân quả giữa hành vi vi phạm hành chính và hậu quả của hành vi đó.

- Tính có lỗi của hành vi: Vi phạm hành chính phải là hành vi có lỗi, thể hiện dưới hình thức lỗi cố ý hoặc vô ý. Lỗi là trạng thái tâm lý, thái độ của người vi phạm đối với hành vi, hậu quả của hành vi đó tại thời điểm thực hiện hành vi vi phạm. Hình thức lỗi cố ý thể hiện ở chỗ người có hành vi vi phạm hành chính nhận thức rõ hành vi của

mình là nguy hại cho xã hội, thấy trước được hậu quả của hành vi đó và mong muốn hậu quả xảy ra, hoặc tuy không mong muốn nhưng có ý thức để mặc cho hậu quả xảy ra.

**Ví dụ:** Khi kinh doanh hàng giả, hàng lậu, vận chuyển hàng cấm qua biên giới người vi phạm hoàn toàn nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật về trật tự quản lý kinh tế, thấy trước được hậu quả của hành vi gây thất thu đối với ngân sách nhà nước.

Lỗi vô ý thể hiện ở chỗ người vi phạm hành chính không biết, hoặc không nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật mặc dù cần phải biết và nhận thức được, hoặc nhận thức được nhưng cho rằng có thể ngăn ngừa được hậu quả của hành vi trái pháp luật đó.

**Ví dụ:** Khi thi công công trình, chủ sử dụng lao động, người lao động có nghĩa vụ phải thấy và có thể thấy trước được việc không tuân thủ quy tắc an toàn trong lao động, quy tắc phòng cháy chữa cháy có thể dẫn đến hậu quả nguy hiểm về tính mạng con người và tài sản.

- Hành vi đó theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính: Điều này có nghĩa một hành vi vi phạm pháp luật xảy ra trong thực tế mà chưa được pháp luật quy định là hành vi vi phạm hành chính thì người thực hiện hành vi vi phạm đó sẽ không bị xử phạt vi phạm hành chính. Không có vi phạm hành chính thì cũng không có hình thức xử phạt. Hình thức xử phạt vi phạm hành chính luôn là biện pháp cưỡng chế hành chính, là chế tài áp dụng đối với người có hành vi vi phạm, ngoại trừ những trường hợp được miễn trách nhiệm hành chính quy định tại Điều 11 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012. Hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính được Chính phủ quy định trong hệ thống các nghị định quy định về xử phạt, xử lý vi phạm hành chính, theo từng lĩnh vực quản lý nhà nước cụ thể.

## **1.2. Phân biệt vi phạm hành chính và tội phạm**

Vi phạm pháp luật trong xã hội rất đa dạng không chỉ về nguyên nhân và điều kiện phát sinh, về tính chất của các quan hệ xã hội bị xâm hại mà còn có sự khác nhau cả về tính chất, mức độ nguy hiểm của hậu quả do hành vi vi phạm gây ra từ đó dẫn đến các trách nhiệm pháp lý khác nhau.

- Vi phạm pháp luật về quản lý nhà nước mà không phải là tội phạm thì phải chịu trách nhiệm hành chính.

- Vi phạm pháp luật được Bộ luật Hình sự coi là tội phạm thì hành vi đó phải chịu trách nhiệm hình sự.

- Vi phạm pháp luật gây thiệt hại về tài sản của Nhà nước, công dân, tổ chức theo quy định của Bộ luật Dân sự thì phát sinh trách nhiệm dân sự.

- Vi phạm pháp luật về công vụ, nhiệm vụ, nội quy, điều lệ, kỷ luật thì phát sinh trách nhiệm kỷ luật.

Vi phạm hành chính là hành vi nguy hiểm cho xã hội, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Vi phạm hành chính được quy định trong các nghị định xử phạt. Điều đó có nghĩa tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi là dấu hiệu để phân biệt giữa vi phạm hành chính và tội phạm. Tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi được căn cứ vào sự đánh giá tổng hợp của nhiều loại tình tiết khách quan và chủ quan. Trong đó đặc biệt chú ý đến các dấu hiệu được quy định là tội phạm trong Bộ luật Hình sự. Hay nói cách khác, hành vi chỉ được coi là tội phạm hình sự nếu đã được quy định trong Bộ luật Hình sự. Hành vi vi phạm chưa được quy định hoặc không được quy định trong Bộ luật Hình sự thì hành vi đó rõ ràng không phải là tội phạm.

Tính nguy hiểm của hành vi được xác định bởi một số căn cứ sau:

- Tính chất và mức độ thiệt hại;

- Tính chất của phương pháp, thủ đoạn, công cụ, phương tiện vi phạm gây ra;

- Tính chất của động cơ;

- Mức độ lỗi;

- Nhân thân người vi phạm.

**Ví dụ:** Tính nguy hiểm của hành vi trốn đóng bảo hiểm xã hội được thể hiện rất cụ thể ở Điều 216 Bộ luật Hình sự năm 2015 như:

- Về phương pháp, thủ đoạn: Đó là trường hợp người sử dụng lao động cố ý không kê khai hoặc kê khai không đúng thực tế việc đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với cơ quan có thẩm quyền. Hoặc không gửi hồ sơ đăng ký đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đối với người lao động hoặc có gửi hồ sơ và đã xác định rõ, đầy đủ số người phải đóng hoặc các khoản phải đóng, lập chứng từ, hồ sơ quyết toán lương cho người lao động, thu nhập doanh nghiệp, nhưng không đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho cơ quan bảo hiểm xã hội theo quy định.

- Mức độ thiệt hại: Được thể hiện là số tiền trốn đóng, số người trốn đóng, thời gian trốn đóng.

- Về nhân thân: Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trốn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp hoặc trường hợp đã thực hiện hành vi phạm tội trốn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động từ 02 lần trở lên nhưng đều chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự và chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự.

Quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp và tội phạm hình sự về trốn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp như sau:

Nghị định số 95/2013/NĐ-CP ngày 22/8/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội và đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

**Điều 26. Vi phạm quy định về đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp**

...

2. Phạt tiền với mức từ 12% đến 15% tổng số tiền phải đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp tại thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính nhưng tối đa không quá 75.000.000 đồng đối với người sử dụng lao động có một trong các hành vi sau đây:

a) Chậm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp;

b) Đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp không đúng mức quy định;

c) Đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp không đủ số người thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp.

...

Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, có hiệu lực từ ngày 01/01/2018:

**Điều 216. Tội trốn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động**

1. Người nào có nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động mà gian dối hoặc bằng thủ đoạn khác để không đóng hoặc không đóng đầy đủ theo quy định từ 06 tháng trở lên thuộc một trong những trường hợp sau đây, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 01 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm:

a) Trốn đóng bảo hiểm từ 50.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng;

b) Trốn đóng bảo hiểm cho từ 10 người đến dưới 50 người lao động.

...

Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định về việc chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự ở Điều 62, theo đó, khi xem xét vụ vi phạm để quyết định xử phạt vi phạm hành chính, xét thấy hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm, thì người có thẩm quyền xử phạt phải chuyển ngay hồ sơ vụ vi phạm cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự.

Ngược lại, ở Điều 63 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định một số vụ việc do cơ quan tiến hành tố tụng hình sự thụ lý, giải quyết, nhưng sau đó lại có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra hoặc quyết định đình chỉ vụ án, nếu hành vi có dấu hiệu vi phạm hành chính, thì cơ quan tiến hành tố tụng hình sự phải chuyển các quyết định nêu trên kèm theo hồ sơ, tang vật, phương tiện của vụ vi phạm và đề nghị xử phạt vi phạm hành chính đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Việc xử phạt vi phạm hành chính được căn cứ vào hồ sơ vụ vi phạm do cơ quan tiến hành tố tụng hình sự chuyển đến.

Phân biệt vi phạm hành chính với vi phạm pháp luật khác, đặc biệt là vi phạm pháp luật hình sự có ý nghĩa quan trọng trong việc phân hóa trách nhiệm hành chính và trách nhiệm hình sự để có thể áp dụng chế tài xử lý phù hợp, đúng pháp luật, đảm bảo tính thống nhất trong xử lý vi phạm hành chính, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng ngừa vi phạm hành chính và tội phạm hình sự.

Như vậy, khái niệm vi phạm hành chính là cơ sở khoa học thống nhất cho việc xác định các loại hành vi vi phạm hành chính trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước, thể hiện đường lối xử lý các vi phạm hành chính ở nước ta. Nội dung của khái niệm vi phạm hành chính là điều kiện có tính nguyên tắc để giới hạn giữa vi phạm hành chính và tội phạm hình sự, giữa trách nhiệm hành chính với trách nhiệm hình sự, trách nhiệm dân sự và trách nhiệm kỷ luật. Đồng thời là cơ sở cho nhận thức đúng đắn và đầy đủ về bản chất cũng như đặc điểm của vi phạm hành chính khi đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi vi phạm trên thực tế.

## **2. Đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính**

Đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính phải là người có lỗi thực hiện hành vi vi phạm được quy định trong nghị định xử phạt. Đó là cá nhân, tổ chức có năng lực trách nhiệm hành chính.

### **2.1. Cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính (công dân, người nước ngoài, người không quốc tịch)**

Cá nhân có năng lực pháp luật hành chính là người có khả năng nhận thức được tính chất nguy hại cho xã hội của hành vi, hậu quả của hành vi, điều khiển được hành vi đó.

Những người hành động trong tình thế cấp thiết, phòng vệ chính đáng, sự kiện bất ngờ hoặc người mắc bệnh tâm thần, mắc bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc mất khả năng điều khiển hành vi, và chưa đủ độ tuổi do pháp luật quy định thì không phải chịu trách nhiệm hành chính, nghĩa là không bị xử phạt.

Pháp luật xử lý vi phạm hành chính quy định:

- Người từ đủ 16 tuổi trở lên bị xử phạt vi phạm hành chính về mọi vi phạm hành chính do mình gây ra.

- Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi bị xử phạt vi phạm hành chính về vi phạm hành chính do cố ý. Do vậy, yếu tố lỗi trong mặt chủ quan khi thực hiện hành vi của người ở độ tuổi này có ý nghĩa trong việc xác định vi phạm hành chính. Người từ đủ 14 tuổi trở lên đến dưới 16 tuổi vi phạm hành chính thì bị xử phạt cảnh cáo.

### **2.2. Tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính**

Tổ chức là đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính khi có đủ các điều kiện sau:

- Là pháp nhân theo quy định của pháp luật dân sự hoặc các tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật, gồm:

+ Tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp: Doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh... (gọi chung là doanh nghiệp).

+ Tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của Luật Hợp tác xã: Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã.

+ Tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của Luật Đầu tư: Nhà đầu tư trong nước, nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

+ Tổ chức khác theo quy định pháp luật: Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, quỹ, hội...

+ Cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập.

- Hành vi vi phạm hành chính do người đại diện, người được giao nhiệm vụ nhân danh tổ chức hoặc người thực hiện hành vi theo sự chỉ đạo, điều hành, phân công, chấp thuận của tổ chức và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính.

Các điều kiện này hoàn toàn phù hợp đối với pháp nhân thương mại khi bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự.

Để nâng cao ý thức trách nhiệm cá nhân, pháp luật hành chính quy định khi xử phạt tổ chức phải tiến hành xác định người có lỗi trực tiếp gây ra vi phạm và gắn trách nhiệm của tổ chức đối với hành vi vi phạm của tổ chức.

Tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính về mọi vi phạm hành chính do mình gây ra.

Cá nhân, tổ chức nước ngoài vi phạm hành chính trong phạm vi lãnh thổ, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; trên tàu bay mang quốc tịch Việt Nam, tàu biển mang cờ quốc tịch Việt Nam thì bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật Việt Nam, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.

### **3. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính**

Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là thời hạn do Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định mà khi kết thúc thời hạn đó thì không xử phạt.

Điểm a khoản 1 Điều 3 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định: “*Mọi vi phạm hành chính phải được phát hiện, ngăn chặn kịp thời và phải bị xử lý nghiêm minh, mọi hậu quả do vi phạm hành chính gây ra phải được khắc phục theo đúng quy định của pháp luật*”.

Để thực hiện nguyên tắc này, các cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt trong phạm vi chức năng của mình phải chủ động đấu tranh phòng ngừa và tiến hành xử phạt vi phạm hành chính nhanh chóng, công khai, khách quan, đúng thẩm quyền, bảo đảm công bằng, đúng quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, trong thực tế vẫn còn những trường hợp chưa kịp thời phát hiện vi phạm hoặc buông lỏng quản lý không xử lý vi phạm. Với các trường hợp này nếu trong một thời gian nhất định người vi phạm không trốn tránh việc xử lý theo quy định của pháp luật, thì việc xử phạt đã không còn có ý nghĩa giáo dục. Vì vậy, khi hết thời hiệu thì không bị xử phạt vi phạm hành chính, nhưng nếu có hậu quả do hành vi vi phạm gây ra thì người vi phạm vẫn phải khắc phục triệt để hậu quả đó.

Điều 6 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định thời hiệu xử phạt như sau:

- Thời hiệu xử phạt 01 năm đối với vi phạm trong các lĩnh vực (trừ các trường hợp có thời hiệu 02 năm, thời hiệu 05 năm).

- Thời hiệu xử phạt 02 năm: Vi phạm hành chính về kế toán; thủ tục thuế; phí, lệ phí; kinh doanh bảo hiểm; quản lý giá; chứng khoán; sở hữu trí tuệ; xây dựng; bảo vệ nguồn lợi thủy sản, hải sản; quản lý rừng, lâm sản; điều tra, quy hoạch, thăm dò, khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên nước; thăm dò, khai thác dầu khí và các loại khoáng sản khác; bảo vệ môi trường; năng lượng nguyên tử; quản lý, phát triển nhà và công sở; đất đai; đê điều; báo chí; xuất bản; sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh hàng hóa; sản xuất, buôn bán hàng cấm, hàng giả; quản lý lao động ngoài nước.

- Thời hiệu xử phạt 05 năm: Vi phạm hành chính là hành vi trốn thuế, gian lận thuế, nộp chậm tiền thuế, khai thiếu nghĩa vụ thuế.

Thời điểm để tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính:

- Đối với vi phạm hành chính đã kết thúc thì thời hiệu được tính từ thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm.

**Ví dụ:** Khi tính thời hiệu để xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng, thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm được xác định đối với dự án đầu tư xây dựng công trình là ngày dự án được bàn giao, đưa vào sử dụng. Đối với nhà ở riêng lẻ, thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm là ngày kết thúc của hợp đồng thi công xây dựng công trình (nếu có) hoặc ngày đưa công trình vào sử dụng.

- Đối với vi phạm hành chính đang được thực hiện thì thời hiệu được tính từ thời điểm phát hiện hành vi vi phạm.

Cá nhân, tổ chức cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được tính lại kể từ thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở việc xử phạt.

Trường hợp xử phạt vi phạm hành chính đối với cá nhân, tổ chức do cơ quan tiến hành tố tụng chuyển, thời gian cơ quan tiến hành tố tụng thụ lý, xem xét được tính vào thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính.

#### **4. Các hình thức xử phạt vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả**

Khi phát hiện vi phạm hành chính, người có thẩm quyền xử phạt áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Các hình thức xử phạt vi phạm hành chính là biện pháp cưỡng chế của Nhà nước được sử dụng như là công cụ hữu hiệu trong cuộc đấu tranh phòng ngừa vi phạm pháp luật về quản lý nhà nước, để bảo vệ lợi ích của Nhà nước, xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Mục đích của các hình thức xử phạt nhằm giáo dục người vi phạm có ý thức chấp hành pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa, phòng ngừa các vi phạm hành chính có thể xảy ra.

#### **4.1. Các hình thức xử phạt**

##### *- Cảnh cáo*

Cảnh cáo là hình thức xử phạt chính được người có thẩm quyền xử phạt áp dụng đối với cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính không nghiêm trọng, có tình tiết giảm nhẹ và theo quy định thì bị áp dụng hình thức xử phạt cảnh cáo, hoặc đối với mọi hành vi vi phạm hành chính do người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện. Cảnh cáo được quyết định bằng văn bản.

**Ví dụ:** Phạt cảnh cáo áp dụng đối với hành vi vi phạm thủ tục thuế không nghiêm trọng, có tình tiết giảm nhẹ và theo quy định áp dụng hình thức xử phạt cảnh cáo. Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế, tại khoản 1 Điều 5 đã quy định xử phạt đối với hành vi chậm nộp hồ sơ đăng ký thuế, chậm thông báo thay đổi thông tin trong hồ sơ đăng ký thuế so với thời hạn quy định như sau: *“1. Phạt cảnh cáo đối với hành vi nộp hồ sơ đăng ký thuế hoặc thông báo thay đổi thông tin trong hồ sơ đăng ký thuế cho cơ quan thuế quá thời hạn quy định từ 01 ngày đến 10 ngày mà có tình tiết giảm nhẹ”*.

##### *- Phạt tiền*

Phạt tiền là hình thức xử phạt chính được áp dụng để tước của người vi phạm hành chính một khoản tiền nhất định sung quỹ nhà nước. Với mức tiền phạt cao thấp khác nhau có ý nghĩa tác động khác nhau đến ý thức của người vi phạm.

Mức phạt tiền trong xử phạt vi phạm hành chính từ 50.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 100.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng đối với tổ chức, trừ các lĩnh vực thuế; đo lường; sở hữu trí tuệ; an toàn thực phẩm; chất lượng sản phẩm, hàng hóa; chứng khoán; hạn chế cạnh tranh thì mức tiền phạt tối đa được quy định tại các luật tương ứng.

Đối với khu vực nội thành của thành phố trực thuộc trung ương thì mức phạt tiền có thể cao hơn, nhưng tối đa không quá 02 lần mức

phạt chung áp dụng đối với cùng hành vi vi phạm trong các lĩnh vực giao thông đường bộ; bảo vệ môi trường; an ninh trật tự, an toàn xã hội. Hội đồng nhân dân thành phố trực thuộc trung ương căn cứ vào hành vi, khung tiền phạt hoặc mức tiền phạt được quy định tại nghị định của Chính phủ và yêu cầu quản lý kinh tế - xã hội đặc thù của địa phương, quyết định khung tiền phạt hoặc mức tiền phạt cụ thể đối với hành vi vi phạm trong các lĩnh vực giao thông đường bộ; bảo vệ môi trường; an ninh trật tự, an toàn xã hội.

Mức tiền phạt cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính là mức trung bình của khung tiền phạt được quy định đối với hành vi đó; nếu có tình tiết giảm nhẹ thì mức tiền phạt có thể giảm xuống nhưng không được giảm quá mức tối thiểu của khung tiền phạt; nếu có tình tiết tăng nặng thì mức tiền phạt có thể tăng lên nhưng không được vượt quá mức tiền phạt tối đa của khung tiền phạt.

Mức phạt tiền đối với tổ chức bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân.

Nghị định xử phạt quy định khung tiền phạt hoặc mức tiền phạt đối với hành vi vi phạm hành chính cụ thể theo một trong các phương thức sau đây:

- + Xác định số tiền phạt tối thiểu, tối đa;
- + Xác định số lần, tỷ lệ phần trăm của giá trị, số lượng hàng hóa, tang vật vi phạm, đối tượng bị vi phạm hoặc doanh thu, số lợi thu được từ vi phạm hành chính.

**Ví dụ:** Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế, tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 3 đã quy định:

*“b) Đối với hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn: Phạt 20% số tiền thuế thiếu, số tiền thuế được hoàn đối với hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn, áp dụng đối với người nộp thuế là tổ chức và cá nhân;*

c) Đối với hành vi trốn thuế, gian lận thuế: Phạt từ 1 đến 3 lần số tiền thuế trốn, gian lận...”.

- Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn

Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn là hình thức xử phạt được áp dụng đối với cá nhân, tổ chức vi phạm nghiêm trọng các hoạt động được ghi trong giấy phép, chứng chỉ hành nghề. Trong thời gian bị tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, cá nhân, tổ chức không được tiến hành các hoạt động ghi trong giấy phép, chứng chỉ hành nghề.

Đình chỉ hoạt động có thời hạn là hình thức xử phạt được áp dụng đối với cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính trong các trường hợp sau:

+ Đình chỉ một phần hoạt động gây hậu quả nghiêm trọng hoặc có khả năng thực tế gây hậu quả nghiêm trọng đối với tính mạng, sức khỏe con người, môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ mà theo quy định của pháp luật phải có giấy phép;

+ Đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc hoạt động khác mà theo quy định của pháp luật không phải có giấy phép và hoạt động đó gây hậu quả nghiêm trọng hoặc có khả năng thực tế gây hậu quả nghiêm trọng đối với tính mạng, sức khỏe con người, môi trường và trật tự, an toàn xã hội.

Thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, thời hạn đình chỉ hoạt động từ 01 tháng đến 24 tháng, kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành. Người có thẩm quyền xử phạt giữ giấy phép, chứng chỉ hành nghề trong thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề.

Hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn là hình thức xử phạt chính hoặc bổ sung đối với hành vi vi phạm hành chính cụ thể trong các nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính.

**Ví dụ:** Nghị định số 110/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 67/2015/NĐ-CP ngày 14/8/2015 của Chính phủ đã quy định có 03 hình thức xử phạt chính trong lĩnh vực công chứng gồm: Cảnh cáo; Phạt tiền; Tước quyền sử dụng Thẻ công chứng viên đối với hành vi công chứng trước vào hợp đồng, giao dịch khi chưa xác định đầy đủ các bên chủ thể của hợp đồng, giao dịch đó (khoản 6 Điều 14).

Trường hợp phát hiện giấy phép, chứng chỉ hành nghề được cấp không đúng thẩm quyền hoặc có nội dung trái pháp luật thì người có thẩm quyền xử phạt sẽ tiến hành thu hồi ngay theo thẩm quyền, đồng thời thông báo bằng văn bản cho cơ quan đã cấp giấy phép, chứng chỉ hành nghề đó biết; trường hợp không thuộc thẩm quyền thu hồi thì báo cáo với cơ quan có thẩm quyền để xử lý.

*- Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính*

Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là việc sung vào ngân sách nhà nước vật, tiền, hàng hoá, phương tiện có liên quan trực tiếp đến vi phạm hành chính, được áp dụng đối với vi phạm hành chính nghiêm trọng do lỗi cố ý của cá nhân, tổ chức.

Hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính chỉ được áp dụng khi nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước có quy định hình thức xử phạt này đối với hành vi vi phạm hành chính cụ thể.

Các đối tượng cần tịch thu để đảm bảo trật tự, an toàn xã hội có thể là vật thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành như ma túy, vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, vật có giá trị lịch sử, giá trị văn hoá, bảo vật quốc gia, cổ vật, hàng lâm sản quý hiếm... Vật thuộc loại cấm lưu hành và tài sản khác thì chuyển giao cho cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành để quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật. Vật là tiền Việt Nam, ngoại tệ, chứng chỉ có giá, vàng, bạc, đá quý, kim loại quý thì phải nộp vào ngân sách nhà nước.

Nếu tang vật, phương tiện là tài sản thuộc sở hữu của người khác thì chỉ có thể bị tịch thu khi người này có lỗi trong việc để cho người vi phạm chiếm đoạt, sử dụng vào thực hiện vi phạm hành chính. Trong trường hợp này cần xác định rõ lỗi của người có tài sản. Lỗi có thể là thiếu trách nhiệm trong quản lý, trông coi, sử dụng và bảo vệ tài sản. Người có lỗi để người vi phạm sử dụng tài sản của mình như công cụ, phương tiện thực hiện hành vi vi phạm hành chính thì bất luận mọi trường hợp đều có thể tịch thu tài sản này để sung công quỹ.

Đối với trường hợp người vi phạm đã sử dụng trái phép tài sản của người khác để vi phạm hành chính, tài sản này không bị tịch thu mà trả lại cho chủ sở hữu, người sử dụng hoặc người quản lý hợp pháp, thì cá nhân, tổ chức vi phạm phải nộp một khoản tiền tương đương trị giá tang vật, phương tiện vi phạm vào ngân sách nhà nước để thay thế cho việc thực hiện hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, nếu không nộp thì sẽ bị cưỡng chế thực hiện.

*- Trục xuất*

Trục xuất là hình thức xử phạt buộc người nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính tại Việt Nam phải rời khỏi lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đây là hình thức xử phạt chính hoặc hình thức xử phạt bổ sung. Người vi phạm có nghĩa vụ rời khỏi lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đúng thời hạn được ghi trong quyết định trục xuất. Quyết định trục xuất phải được thông báo trước khi thi hành cho Bộ Ngoại giao, cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của nước mà người bị trục xuất là công dân hoặc nước mà người đó cư trú trước khi đến Việt Nam.

**4.2. Các biện pháp khắc phục hậu quả**

Các biện pháp khắc phục hậu quả là biện pháp cưỡng chế hành chính được Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định do người có thẩm quyền xử phạt áp dụng đối với người có hành vi vi phạm hành chính, có tác dụng hỗ trợ các hình thức xử phạt hoặc áp dụng độc lập nhằm khắc phục triệt để hậu quả do hành vi vi phạm hành chính gây ra.

Ngoài mục đích giáo dục, ngăn ngừa vi phạm hành chính, các biện pháp khắc phục hậu quả còn có tác dụng kịp thời khắc phục hậu quả gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, của tập thể, lợi ích chính đáng của công dân.

- Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định các biện pháp khắc phục hậu quả gồm:

+ Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu.

+ Buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép.

+ Buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh.

+ Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc tái xuất hàng hoá, vật phẩm, phương tiện được đưa vào lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nhập khẩu trái với quy định của pháp luật hoặc được tạm nhập, tái xuất nhưng không tái xuất theo đúng quy định của pháp luật.

Biện pháp khắc phục hậu quả này cũng được áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu, quá cảnh xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, hàng hóa giả mạo quyền sở hữu trí tuệ, phương tiện, nguyên liệu, vật liệu nhập khẩu được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ sau khi đã loại bỏ yếu tố vi phạm.

+ Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hóa phẩm có nội dung độc hại hoặc tang vật khác thuộc đối tượng bị tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

+ Buộc cải chính thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn đã được công bố, đưa tin trên chính phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử đã công bố, đưa tin.

+ Buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hoá, bao bì hàng hóa, phương tiện kinh doanh, vật phẩm: Cá nhân, tổ chức sản xuất, kinh doanh hàng hóa hoặc sử dụng phương tiện kinh doanh, vật phẩm

chứa yếu tố vi phạm trên hàng hóa, bao bì hàng hóa, phương tiện kinh doanh, vật phẩm thì phải loại bỏ các yếu tố vi phạm đó.

+ Buộc thu hồi sản phẩm, hàng hóa không bảo đảm chất lượng đã đăng ký hoặc công bố và hàng hóa khác không bảo đảm chất lượng, điều kiện lưu thông thì phải thu hồi các sản phẩm, hàng hóa vi phạm đang lưu thông trên thị trường.

+ Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính hoặc buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật.

Số lợi bất hợp pháp là tiền, tài sản, giấy tờ và vật có giá có được từ vi phạm hành chính mà cá nhân, tổ chức đó đã thực hiện để sung vào ngân sách nhà nước hoặc hoàn trả cho đối tượng bị chiếm đoạt.

+ Các biện pháp khắc phục hậu quả khác được quy định trong các nghị định xử phạt phù hợp với đặc thù của từng lĩnh vực quản lý nhà nước.

**Ví dụ:** Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở, tại khoản 4 Điều 11 về vi phạm quy định về lập, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, ngoài việc bị áp dụng hình thức phạt tiền, người vi phạm còn bị áp dụng một hoặc một số biện pháp khắc phục hậu quả như: Buộc tổ chức lập dự án đầu tư xây dựng công trình; Buộc phê duyệt lại dự án đầu tư xây dựng công trình; Buộc hủy dự án đầu tư xây dựng công trình.

- Nguyên tắc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

Đối với mỗi vi phạm hành chính, ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả quy định cho hành vi đó.

Biện pháp khắc phục hậu quả được áp dụng độc lập trong trường hợp sau:

+ Thực hiện hành vi vi phạm hành chính trong tình thế cấp thiết; do phòng vệ chính đáng; sự kiện bất ngờ; sự kiện bất khả kháng;

+ Người thực hiện hành vi vi phạm hành chính không có năng lực trách nhiệm hành chính; người thực hiện hành vi vi phạm hành chính chưa đủ tuổi bị xử phạt vi phạm hành chính;

+ Không xác định được đối tượng vi phạm hành chính;

+ Hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính hoặc hết thời hạn ra quyết định xử phạt;

+ Cá nhân vi phạm hành chính chết, mất tích, tổ chức vi phạm hành chính đã giải thể, phá sản trong thời gian xem xét ra quyết định xử phạt.

### **5. Thẩm quyền xử phạt và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả**

Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính được quy định từ Điều 38 đến Điều 54 Chương II của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012. Trong đó, quy định liệt kê các chức danh có thẩm quyền xử phạt từ Điều 38 đến Điều 51; quy định nguyên tắc xác định và phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả tại Điều 52; quy định thay đổi tên gọi của chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính tại Điều 53; giao quyền xử phạt quy định tại Điều 54.

- Có thể phân loại nhóm các chức danh có thẩm quyền phạt vi phạm hành chính gồm:

+ Chức danh Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp xã, huyện, tỉnh.

+ Các chức danh thuộc lực lượng vũ trang như Công an nhân dân, lực lượng Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển...

+ Các chức danh của các cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực như: hải quan, thuế, quản lý thị trường, Trưởng đại diện Cảng vụ hàng hải, Giám đốc Cảng vụ hàng không, hàng hải, Giám đốc Cảng vụ đường thủy nội địa, Cục trưởng Cục đường thủy nội địa Việt Nam...

+ Thanh tra chuyên ngành, các chức danh khác được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành...

+ Các chức danh tư pháp: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ việc phá sản, Chánh án Tòa án nhân dân cấp huyện, Chánh tòa chuyên trách Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự khu vực; Chấp hành viên...

+ Người đứng đầu cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan khác được ủy quyền thực hiện chức năng lãnh sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài.

- Điều 52 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định nguyên tắc xác định và phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

+ Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của những người được quy định tại các điều từ 38 đến 51 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 là thẩm quyền áp dụng đối với một hành vi vi phạm hành chính của cá nhân; trong trường hợp phạt tiền, thẩm quyền xử phạt tổ chức gấp 02 lần thẩm quyền xử phạt cá nhân và được xác định theo tỷ lệ phần trăm quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 đối với chức danh đó.

**Ví dụ:** Thẩm quyền của Thanh tra tại Điều 46 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định:

*“1. Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành đang thi hành công vụ có quyền:*

*a) Phạt cảnh cáo;*

*b) Phạt tiền đến 1% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật này nhưng không quá 500.000 đồng...”.*

+ Thẩm quyền phạt tiền của những người được quy định tại các điều từ 38 đến 51 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 được xác định căn cứ vào mức tối đa của khung tiền phạt quy định đối với từng hành vi vi phạm cụ thể.

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước ở địa phương.

Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại các điều từ 39 đến 51 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực, ngành mình quản lý.

Trong trường hợp vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền xử phạt của nhiều người, thì việc xử phạt vi phạm hành chính do người thụ lý đầu tiên thực hiện.

+ Trường hợp xử phạt một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính thì thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính được xác định theo nguyên tắc sau đây:

(i) Nếu hình thức, mức xử phạt, trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu, biện pháp khắc phục hậu quả được quy định đối với từng hành vi đều thuộc thẩm quyền của người xử phạt vi phạm hành chính thì thẩm quyền xử phạt vẫn thuộc người đó;

(ii) Nếu hình thức, mức xử phạt, trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu, biện pháp khắc phục hậu quả được quy định đối với một trong các hành vi vượt quá thẩm quyền của người xử phạt vi phạm hành chính thì người đó phải chuyển vụ vi phạm đến cấp có thẩm quyền xử phạt;

(iii) Nếu hành vi thuộc thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của nhiều người thuộc các ngành khác nhau, thì thẩm quyền xử phạt thuộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xử phạt nơi xảy ra vi phạm.

Thẩm quyền xử phạt quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính được cụ thể hóa một chương của nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước với các nội dung: Chức danh có thẩm quyền xử phạt, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả mà mỗi chức danh có thẩm quyền áp dụng.

**Ví dụ:** Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực

đất đai được quy định tại Điều 31, Điều 32 và Điều 33 Chương III Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ thuộc về Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, Thanh tra chuyên ngành đất đai và một số chức danh của các cơ quan khác.

- Về giao quyền xử phạt: người có thẩm quyền xử phạt có thể giao quyền cho cấp phó thực hiện thẩm quyền xử phạt. Việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện thường xuyên hoặc theo vụ việc và phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó xác định rõ phạm vi, nội dung, thời hạn giao quyền. Quyết định giao quyền phải được đánh số, ghi rõ ngày, tháng, năm, trích yếu, ký và đóng dấu; trường hợp cơ quan, đơn vị của người giao quyền không được sử dụng dấu riêng, thì đóng dấu treo của cơ quan cấp trên.

Cấp phó được giao quyền xử phạt vi phạm hành chính phải chịu trách nhiệm về quyết định xử phạt vi phạm hành chính của mình trước cấp trưởng và trước pháp luật. Người được giao quyền không được giao quyền, ủy quyền cho bất kỳ người nào khác.

Quy định về giao quyền xử phạt đã cụ thể, phù hợp với thực tiễn, đảm bảo tính linh hoạt, kịp thời trong hoạt động của các cơ quan có các chức danh xử phạt, đồng thời xác định rõ trách nhiệm của người giao quyền và người được giao quyền trước pháp luật.

## **6. Thủ tục xử phạt và thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính**

Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định về trình tự, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính. Đó là trình tự các bước mà người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính phải thực hiện kể từ khi phát hiện vi phạm hành chính đến khi xử lý xong vụ vi phạm.

Thủ tục xử phạt gồm các nội dung sau:

- Buộc chấm dứt hành vi vi phạm hành chính;
- Xử phạt không lập biên bản vi phạm hành chính;
- Xử phạt có lập biên bản vi phạm hành chính;
- Xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính;

- Xác định giá trị tang vật vi phạm hành chính để làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt;
- Giải trình;
- Quyết định xử phạt, thời hạn ra quyết định xử phạt;
- Quyết định áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả;
- Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt, quyết định áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả...;
- Thủ tục xử phạt căn cứ vào hồ sơ vụ vi phạm do cơ quan tiến hành tố tụng hình sự chuyển đến.

Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 đã quy định cụ thể hơn về thủ tục xử phạt, thể hiện được tính minh bạch của pháp luật, tạo cơ sở cho hoạt động xử lý vi phạm hành chính trên thực tế có hiệu quả.

### ***6.1. Buộc chấm dứt hành vi vi phạm hành chính***

Buộc chấm dứt hành vi vi phạm hành chính được người có thẩm quyền đang thi hành công vụ áp dụng đối với hành vi vi phạm hành chính đang diễn ra nhằm chấm dứt ngay hành vi vi phạm. Buộc chấm dứt hành vi vi phạm hành chính được thực hiện bằng lời nói, còi, hiệu lệnh, văn bản hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật. Thủ tục này trên thực tế thường được áp dụng đối với hành vi vi phạm thuộc một số lĩnh vực như giao thông, trật tự..., và thuộc trường hợp hành vi vi phạm hành chính đang diễn ra, chưa kết thúc.

### ***6.2. Thủ tục xử phạt không lập biên bản vi phạm hành chính***

Đây là thủ tục áp dụng trong trường hợp xử phạt với những vi phạm nhỏ, rõ ràng, không có tình tiết phức tạp cần phải xác minh và quy định hình thức xử phạt là cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 250.000 đồng đối với cá nhân, 500.000 đồng đối với tổ chức.

Người có thẩm quyền xử phạt phải ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính tại chỗ. Trường hợp phạt tiền thì ghi rõ mức tiền phạt.

Người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt là người đang thi hành công vụ được quy định trong Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 như: Chiến sĩ Công an nhân dân, Chiến sĩ Bộ đội Biên phòng,

Cảnh sát viên Cảnh sát biển, Công chức Hải quan, Công chức Thuế, Kiểm lâm viên, Kiểm soát viên thị trường, Thanh tra viên...

Đây là thủ tục nhằm đảm bảo nguyên tắc nhanh chóng, kịp thời, tránh tình trạng dồn vụ vi phạm lên các cơ quan cấp trên.

### ***6.3. Thủ tục xử phạt có lập biên bản vi phạm hành chính***

Thủ tục xử phạt có lập biên bản vi phạm hành chính được áp dụng đối với hành vi vi phạm hành chính của cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính có mức tiền phạt trên 250.000 đồng đối với cá nhân, trên 500.000 đồng đối với tổ chức.

Biên bản vi phạm hành chính phải được lập thành ít nhất hai bản. Đây là tài liệu ghi lại kịp thời các thông tin về vụ vi phạm hành chính, làm cơ sở để người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt.

Để đảm bảo tính khách quan của biên bản vi phạm hành chính, cá nhân, tổ chức vi phạm phải ký vào biên bản. Trường hợp người vi phạm không ký được thì điểm chỉ; nếu có người chứng kiến, người bị thiệt hại hoặc đại diện tổ chức bị thiệt hại thì họ cùng phải ký vào biên bản; trường hợp biên bản gồm nhiều tờ, thì những người được nêu trên phải ký vào từng tờ biên bản. Nếu người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm, người chứng kiến, người bị thiệt hại hoặc đại diện tổ chức bị thiệt hại từ chối ký thì người lập biên bản phải ghi rõ lý do vào biên bản.

Trường hợp người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm không có mặt tại nơi vi phạm hoặc cố tình trốn tránh hoặc vì lý do khách quan mà không ký vào biên bản thì biên bản phải có chữ ký của đại diện chính quyền cơ sở nơi xảy ra vi phạm hoặc của hai người chứng kiến.

Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính gồm người có thẩm quyền xử phạt, công chức, viên chức và người thuộc lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân đang thi hành công vụ, nhiệm vụ theo văn bản quy phạm pháp luật hoặc văn bản hành chính do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành; người chỉ huy tàu bay, thuyền trưởng, trưởng tàu và những người được chỉ huy tàu bay, thuyền trưởng, trưởng tàu giao nhiệm vụ lập biên bản.

Các chức danh có thẩm quyền lập biên bản được quy định cụ thể tại các nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước.

Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính nhưng không có thẩm quyền xử phạt chỉ có quyền lập biên bản về những vi phạm thuộc phạm vi thi hành công vụ, nhiệm vụ được giao và chịu trách nhiệm về việc lập biên bản.

Trường hợp vụ việc vi phạm vừa có hành vi vi phạm thuộc thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản, vừa có hành vi vi phạm không thuộc thẩm quyền xử phạt hoặc vượt quá thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản, thì người đó vẫn phải tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính đối với tất cả các hành vi vi phạm và chuyển ngay biên bản đến người có thẩm quyền xử phạt để tiến hành xử phạt.

Việc xử phạt vi phạm hành chính có lập biên bản vi phạm hành chính phải được người có thẩm quyền xử phạt lập thành hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính.

Hồ sơ xử phạt gồm biên bản vi phạm hành chính, quyết định xử phạt vi phạm hành chính, các tài liệu, giấy tờ có liên quan và phải được đánh bút lục.

#### ***6.4. Xác minh các tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính***

Là thủ tục giúp cho người có thẩm quyền xử phạt trong trường hợp cần thiết phải chứng minh đầy đủ các nội dung liên quan đến xử lý vụ vi phạm:

- Có hay không có vi phạm hành chính;
- Cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm hành chính, lỗi, nhân thân của cá nhân vi phạm hành chính;
- Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ;
- Tính chất, mức độ thiệt hại do vi phạm hành chính gây ra;
- Trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

- Tình tiết khác có ý nghĩa đối với việc xem xét, quyết định xử phạt.

Trong quá trình xem xét, ra quyết định xử phạt, người có thẩm quyền xử phạt có thể trưng cầu giám định. Việc trưng cầu giám định được thực hiện theo quy định của pháp luật về giám định.

Thời điểm tiến hành xác minh: trước hoặc sau khi lập biên bản vi phạm và được thực hiện cùng với các trình tự, thủ tục xử phạt khác tiếp theo cho đến khi ra quyết định xử phạt.

Việc xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính phải được thể hiện bằng văn bản.

### ***6.5. Xác định giá trị tang vật vi phạm hành chính làm căn cứ xác định khung tiền phạt và thẩm quyền xử phạt***

Trong một số lĩnh vực quản lý nhà nước, việc xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính cụ thể được dựa trên cơ sở xác định giá trị của tang vật, phương tiện bị tạm giữ.

**Ví dụ:** Trong lĩnh vực thương mại, khoản 1 Điều 10 Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 124/2015/NĐ-CP ngày 19/11/2015 của Chính phủ, đối với hành vi buôn bán hàng cấm mức phạt tiền như sau:

*“a) Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng trong trường hợp hàng cấm có giá trị dưới 1.000.000 đồng;*

...

*k) Phạt tiền 100.000.000 đồng trong trường hợp hàng cấm có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên mà không bị truy cứu trách nhiệm hình sự”.*

Hoặc, trong lĩnh vực quản lý lâm nghiệp, Điều 22 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp, đối với hành vi vận chuyển lâm sản trái pháp luật: hành vi vận chuyển lâm sản (từ thời điểm lâm sản đã xếp lên phương tiện vận chuyển) không có hồ sơ hợp

pháp hoặc có hồ sơ hợp pháp nhưng lâm sản thực tế vận chuyển không phù hợp với hồ sơ đó, bị xử phạt như sau:

*“1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các trường hợp sau:*

*a) Động vật rừng, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật rừng thông thường trị giá dưới 15.000.000 đồng;*

*b) Động vật rừng, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật rừng thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIB trị giá dưới 7.000.000 đồng;*

*c) Gỗ thuộc loài thông thường dưới 02 m<sup>3</sup>...”*

Tang vật gồm vật, tiền, giấy tờ, hàng hóa thành phẩm hoặc chưa thành phẩm có liên quan trực tiếp đến vi phạm hành chính. Phương tiện vi phạm gồm phương tiện vận tải, công cụ, máy móc và vật khác được sử dụng để thực hiện vi phạm hành chính.

Tùy theo loại tang vật, phương tiện vi phạm cụ thể, việc xác định giá được dựa trên một trong các căn cứ theo thứ tự ưu tiên sau đây:

- Giá niêm yết hoặc giá ghi trên hợp đồng hoặc hoá đơn mua bán hoặc tờ khai nhập khẩu;

- Theo thông báo của cơ quan tài chính địa phương; trường hợp không có thông báo giá thì theo giá thị trường của địa phương tại thời điểm xảy ra vi phạm hành chính;

- Giá thành của tang vật nếu là hàng hoá chưa xuất bán;

- Đối với tang vật là hàng giả thì giá của tang vật đó là giá thị trường của hàng hoá thật hoặc hàng hoá có cùng tính năng, kỹ thuật, công dụng tại thời điểm nơi phát hiện vi phạm hành chính.

Trường hợp không thể áp dụng được căn cứ quy định trên để xác định giá trị tang vật vi phạm hành chính làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt thì người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc có thể ra quyết định tạm giữ tang vật vi phạm và thành lập Hội đồng định giá.

Thời hạn tạm giữ tang vật để xác định giá trị không quá 24 giờ, kể

từ thời điểm ra quyết định tạm giữ, trong trường hợp thật cần thiết thì thời hạn có thể kéo dài thêm nhưng tối đa không quá 24 giờ. Mọi chi phí liên quan đến việc tạm giữ, định giá và thiệt hại do việc tạm giữ gây ra do cơ quan của người có thẩm quyền ra quyết định tạm giữ chi trả. Thủ tục, biên bản tạm giữ được thực hiện theo quy định tại khoản 5 và khoản 9 Điều 125 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Căn cứ để xác định giá trị và các tài liệu liên quan đến việc xác định giá trị tang vật vi phạm hành chính phải thể hiện trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính.

Đối với tang vật vi phạm là hàng cấm: căn cứ trị giá hoặc số lượng của hàng cấm theo quy định của các nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước. Nếu không thuộc trường hợp nêu trên thì không tiến hành xác định giá trị tang vật vi phạm hành chính.

### **6.6. Giải trình**

Theo Điều 61 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, thủ tục giải trình được thực hiện trong quá trình xử lý đối với hành vi vi phạm hành chính mà pháp luật quy định áp dụng hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc áp dụng mức phạt tiền tối đa của khung tiền phạt đối với hành vi đó từ 15.000.000 đồng trở lên đối với cá nhân, từ 30.000.000 đồng trở lên đối với tổ chức.

Giải trình là quyền của các cá nhân, tổ chức vi phạm. Để đảm bảo quyền giải trình cho người vi phạm, người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính có nghĩa vụ phải giải thích quyền này cho người vi phạm biết. Để thực hiện việc giải trình, cá nhân, tổ chức vi phạm phải có yêu cầu giải trình. Hình thức giải trình có thể trực tiếp hoặc bằng văn bản với người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

*Nếu giải trình trực tiếp*, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính phải gửi văn bản yêu cầu được giải trình trực tiếp đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 02 ngày làm việc,

kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính. Người có thẩm quyền xử phạt phải thông báo bằng văn bản cho người vi phạm về thời gian và địa điểm tổ chức phiên giải trình trực tiếp trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu của người vi phạm.

Người có thẩm quyền xử phạt tổ chức phiên giải trình trực tiếp và có trách nhiệm nêu căn cứ pháp lý và tình tiết, chứng cứ liên quan đến hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả dự kiến áp dụng đối với hành vi vi phạm. Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính, người đại diện hợp pháp của họ có quyền tham gia phiên giải trình và đưa ra ý kiến, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Việc giải trình trực tiếp được lập thành biên bản và phải có chữ ký của các bên liên quan; trường hợp biên bản gồm nhiều tờ thì các bên phải ký vào từng tờ biên bản. Biên bản này phải được lưu trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính và giao cho cá nhân, tổ chức vi phạm hoặc người đại diện hợp pháp của họ 01 bản.

*Nếu giải trình bằng văn bản*, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính phải gửi văn bản giải trình cho người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính (trường hợp vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp thì người có thẩm quyền có thể gia hạn thêm không quá 05 ngày theo đề nghị của cá nhân, tổ chức vi phạm).

Người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm xem xét ý kiến giải trình của cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính trước khi ra quyết định xử phạt, trừ trường hợp cá nhân, tổ chức không có yêu cầu giải trình trong thời hạn quy định.

### ***6.7. Ban hành các quyết xử lý vi phạm hành chính***

Trong quá trình xử lý vi phạm hành chính, người có thẩm quyền áp dụng pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính có thể ban hành các quyết định sau:

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

- Quyết định tịch thu vào ngân sách nhà nước hoặc tiêu hủy tang vật vi phạm hành chính;
- Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả;
- Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

Quyết định xử lý vi phạm hành chính là cơ sở để các cá nhân, tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật, là căn cứ để các cơ quan nhà nước có thẩm quyền giám sát, kiểm tra việc tuân thủ pháp luật của các đối tượng có liên quan. Nó có tính chất đơn phương và bắt buộc thi hành ngay.

*a) Quyết định xử phạt*

Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính phải ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính.

Đối với vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp mà không thuộc trường hợp giải trình hoặc đối với vụ việc thuộc trường hợp giải trình bằng văn bản hoặc giải trình trực tiếp thì thời hạn ra quyết định xử phạt tối đa là 30 ngày, kể từ ngày lập biên bản.

Trường hợp vụ việc đặc biệt nghiêm trọng, có nhiều tình tiết phức tạp và thuộc trường hợp giải trình có gia hạn thời hạn mà cần có thêm thời gian để xác minh, thu thập chứng cứ thì người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc phải báo cáo thủ trưởng trực tiếp của mình bằng văn bản để xin gia hạn; việc gia hạn phải bằng văn bản, thời hạn gia hạn không được quá 30 ngày.

Người có thẩm quyền xử phạt có thể ban hành một quyết định xử phạt hay nhiều quyết định xử phạt được quy định như sau:

- Trường hợp một cá nhân, tổ chức thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính mà bị xử phạt trong cùng một lần thì chỉ ra 01 quyết định xử phạt, trong đó quyết định hình thức, mức xử phạt đối với từng hành vi vi phạm hành chính.
- Trường hợp nhiều cá nhân, tổ chức cùng thực hiện một hành vi

vi phạm hành chính thì có thể ra 01 hoặc nhiều quyết định xử phạt để quyết định hình thức, mức xử phạt đối với từng cá nhân, tổ chức.

- Trường hợp nhiều cá nhân, tổ chức thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính khác nhau trong cùng một vụ vi phạm thì có thể ra 01 hoặc nhiều quyết định xử phạt để quyết định hình thức, mức xử phạt đối với từng hành vi vi phạm của từng cá nhân, tổ chức.

- Quyết định xử phạt có hiệu lực kể từ ngày ký, trừ trường hợp trong quyết định quy định ngày có hiệu lực khác.

Khi xem xét vụ vi phạm để quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nếu xét thấy hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm, thì người có thẩm quyền xử phạt phải chuyển ngay hồ sơ vụ vi phạm cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự.

#### *b) Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả*

Về nguyên tắc, mọi vi phạm hành chính phải được phát hiện, ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm minh, mọi hậu quả do vi phạm hành chính gây ra phải được khắc phục theo đúng quy định của pháp luật.

Khi xử lý vụ việc vi phạm hành chính, nếu có các căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, thì người có thẩm quyền xử phạt không được ra quyết định xử phạt, nhưng phải ban hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, quyết định tịch thu sung vào ngân sách nhà nước hoặc tiêu huỷ tang vật vi phạm hành chính thuộc loại cấm lưu hành.

Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả phải ghi rõ lý do không ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, tang vật bị tịch thu, tiêu huỷ, biện pháp khắc phục hậu quả được áp dụng, trách nhiệm và thời hạn thực hiện.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, các trường hợp phải ban hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả bao gồm:

- Trường hợp quy định tại Điều 11 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

- Không xác định được đối tượng vi phạm hành chính;
- Hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Điều 6 hoặc hết thời hạn ra quyết định xử phạt quy định tại khoản 3 Điều 63 hoặc khoản 1 Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012;
- Cá nhân vi phạm hành chính chết, mất tích, tổ chức vi phạm hành chính đã giải thể, phá sản trong thời gian xem xét ra quyết định xử phạt.

### ***6.8. Thủ tục chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự***

Theo quy định tại Điều 62 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, thủ tục chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự được thực hiện như sau:

- Khi xem xét vụ vi phạm để quyết định xử phạt vi phạm hành chính, hoặc trong quá trình thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, hoặc đã thi hành xong quyết định xử phạt, nếu xét thấy hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm, thì người có thẩm quyền xử phạt phải chuyển ngay hồ sơ vụ vi phạm cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự.

- Cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có trách nhiệm xem xét, kết luận vụ việc và trả lời kết quả giải quyết bằng văn bản cho người có thẩm quyền đã chuyển hồ sơ trong thời hạn theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự; trường hợp không khởi tố vụ án hình sự thì trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, cơ quan tiến hành tố tụng phải trả hồ sơ vụ việc cho người có thẩm quyền xử phạt đã chuyển hồ sơ đến.

- Nếu cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có quyết định khởi tố vụ án thì người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính phải hủy bỏ quyết định xử phạt vi phạm hành chính (trong trường hợp đã ban hành quyết định xử phạt) và chuyển toàn bộ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và tài liệu về việc thi hành quyết định xử phạt cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự.

- Việc chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu

trách nhiệm hình sự phải được thông báo bằng văn bản cho cá nhân vi phạm.

### ***6.9. Thủ tục xử phạt đối với hồ sơ vụ vi phạm do cơ quan tiến hành tố tụng hình sự chuyển đến***

Theo quy định tại Điều 63 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, thủ tục xử phạt đối với hồ sơ vụ vi phạm do cơ quan tiến hành tố tụng hình sự chuyển đến được thực hiện như sau:

- Đối với vụ việc do cơ quan tiến hành tố tụng hình sự thụ lý, giải quyết, nhưng sau đó lại có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra hoặc quyết định đình chỉ vụ án, nếu hành vi có dấu hiệu vi phạm hành chính, thì trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày ra quyết định, cơ quan tiến hành tố tụng hình sự phải chuyển các quyết định nêu trên kèm theo hồ sơ, tang vật, phương tiện của vụ vi phạm và đề nghị xử phạt vi phạm hành chính đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

- Việc xử phạt vi phạm hành chính được căn cứ vào hồ sơ vụ vi phạm do cơ quan tiến hành tố tụng hình sự chuyển đến. Trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền xử phạt tiến hành xác minh thêm tình tiết để làm căn cứ ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

- Thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là 30 ngày, kể từ ngày nhận được các quyết định và hồ sơ vụ vi phạm. Trong trường hợp cần xác minh thêm tình tiết để làm căn cứ ra quyết định xử phạt thì thời hạn tối đa không quá 45 ngày.

### ***6.10. Thi hành quyết định xử phạt và quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả***

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính có lập biên bản, người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt phải gửi cho cá nhân, tổ chức bị xử phạt, cơ quan thu tiền phạt và cơ quan liên quan khác (nếu có) để thi hành.

#### ***a) Thủ tục giao quyết định xử phạt***

- Giao trực tiếp quyết định xử phạt vi phạm hành chính: Đối với

trường hợp quyết định được giao trực tiếp mà cá nhân, tổ chức vi phạm cố tình không nhận quyết định thì người có thẩm quyền lập biên bản về việc không nhận quyết định có xác nhận của chính quyền địa phương và được coi là quyết định đã được giao.

- Gửi qua bưu điện bằng hình thức bảo đảm và thông báo cho cá nhân, tổ chức bị xử phạt biết. Trong trường hợp gửi qua bưu điện bằng hình thức bảo đảm, nếu sau thời hạn 10 ngày, kể từ ngày quyết định xử phạt đã được gửi qua đường bưu điện đến lần thứ ba mà bị trả lại do cá nhân, tổ chức vi phạm cố tình không nhận thì được coi là quyết định đã được giao.

- Niêm yết quyết định xử phạt tại nơi cư trú của cá nhân, trụ sở của tổ chức bị xử phạt hoặc có căn cứ cho rằng người vi phạm trốn tránh không nhận quyết định xử phạt thì được coi là quyết định đã được giao.

#### *b) Thi hành quyết định xử phạt*

Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính phải chấp hành quyết định xử phạt trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận quyết định xử phạt vi phạm hành chính; trường hợp quyết định xử phạt vi phạm hành chính có ghi thời hạn thi hành nhiều hơn 10 ngày thì thực hiện theo thời hạn đó.

Trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt khiếu nại, khởi kiện đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính thì vẫn phải chấp hành quyết định xử phạt, trừ trường hợp trong quá trình giải quyết khiếu nại, khởi kiện nếu xét thấy việc thi hành quyết định xử lý vi phạm hành chính bị khiếu nại, khởi kiện sẽ gây hậu quả khó khắc phục thì người giải quyết khiếu nại, khởi kiện phải ra quyết định tạm đình chỉ việc thi hành quyết định đó theo quy định của pháp luật.

#### *c) Thời hiệu thi hành quyết định xử phạt*

Thời hiệu thi hành quyết định xử phạt là 01 năm, kể từ ngày ra quyết định, quá thời hạn này thì không thi hành quyết định đó nữa, trừ trường hợp quyết định xử phạt có hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả thì vẫn phải tịch thu tang vật, phương tiện thuộc loại cấm lưu

hành, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong trường hợp cần thiết để bảo vệ môi trường, bảo đảm giao thông, xây dựng và an ninh trật tự, an toàn xã hội.

Trong trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt cố tình trốn tránh, trì hoãn thì thời hiệu nói trên được tính kể từ thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, trì hoãn.

### ***6.11. Cường chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả***

Cường chế thi hành quyết định xử phạt được áp dụng trong trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt.

Các biện pháp cường chế bao gồm:

- Khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập, khấu trừ tiền từ tài khoản của cá nhân, tổ chức vi phạm.

- Kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt để bán đấu giá.

- Thu tiền, tài sản khác của đối tượng bị cường chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính do cá nhân, tổ chức khác đang giữ trong trường hợp cá nhân, tổ chức sau khi vi phạm cố tình tẩu tán tài sản.

- Buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Thẩm quyền cường chế: Các chức danh có thẩm quyền ban hành quyết định cường chế được quy định tại Điều 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012. Việc giao quyền ban hành quyết định cường chế phải trong trường hợp cấp trưởng có thẩm quyền xử phạt đi vắng.

Thủ tục cường chế: Việc cường chế chỉ được thực hiện khi có quyết định cường chế bằng văn bản của người có thẩm quyền. Người ra quyết định cường chế có trách nhiệm gửi ngay quyết định cường chế cho các cá nhân, tổ chức liên quan và tổ chức thực hiện việc cường chế thi hành quyết định xử phạt của mình và của cấp dưới.

Cá nhân, tổ chức nhận được quyết định cưỡng chế phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định cưỡng chế và phải chịu mọi chi phí về việc tổ chức thực hiện các biện pháp cưỡng chế.

Cơ quan, tổ chức khác có trách nhiệm trong việc phối hợp thi hành quyết định cưỡng chế. Cá nhân, tổ chức liên quan có nghĩa vụ phối hợp với người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế triển khai các biện pháp nhằm thực hiện các quyết định cưỡng chế.

Thời hạn thi hành quyết định cưỡng chế là 15 ngày, kể từ ngày nhận quyết định cưỡng chế; trường hợp quyết định cưỡng chế có ghi thời hạn thi hành nhiều hơn 15 ngày thì thực hiện theo thời hạn đó. Người ra quyết định cưỡng chế có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt của mình và của cấp dưới.

Trường hợp cá nhân, tổ chức vừa không chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, vừa không chấp hành một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả, thì người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế áp dụng đồng thời các biện pháp cưỡng chế.

### ***6.12. Công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng việc xử phạt đối với cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính***

Cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính có trách nhiệm công bố công khai về việc xử phạt vi phạm hành chính trên các phương tiện thông tin đại chúng đối với cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm; chất lượng sản phẩm, hàng hóa; dược; khám bệnh, chữa bệnh; lao động; xây dựng; bảo hiểm xã hội; bảo hiểm y tế; bảo vệ môi trường; thuế; chứng khoán; sở hữu trí tuệ; đo lường; sản xuất, buôn bán hàng giả mà gây hậu quả lớn hoặc gây ảnh hưởng xấu về dư luận xã hội.

Nội dung công bố công khai bao gồm cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính, hành vi vi phạm, hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả.

Việc công bố công khai được thực hiện trên trang thông tin điện tử hoặc báo của cơ quan quản lý cấp bộ, cấp sở hoặc của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi xảy ra vi phạm hành chính.

Đây là biện pháp có ý nghĩa thiết thực nhằm đảm bảo trách nhiệm xã hội trong việc giám sát, giáo dục đối với cá nhân, tổ chức bị xử phạt. Đồng thời phát huy hiệu quả của các hình thức xử phạt vi phạm hành chính, có tác dụng răn đe, phòng ngừa vi phạm hành chính nói chung, đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch trong xử lý vi phạm hành chính của các cơ quan quản lý nhà nước. Biện pháp này còn có ý nghĩa đặc biệt trong việc thi hành quyết định xử phạt, thi hành triệt để các biện pháp khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm hành chính đã gây ra.

### ***6.13. Khiếu nại, khiếu kiện các quyết định xử lý vi phạm hành chính***

Cá nhân, tổ chức là đối tượng bị áp dụng hoặc có liên quan đến quyết định xử lý vi phạm hành chính đều có thể khiếu nại yêu cầu người có thẩm quyền xử phạt xem xét lại quyết định xử lý vi phạm hành chính.

Thủ trưởng các cơ quan có chức danh đã ban hành quyết định xử lý vi phạm hành chính bị khiếu nại hoặc hoặc thủ trưởng cấp trên trực tiếp của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu có trách nhiệm giải quyết khiếu nại theo thủ tục quy định của pháp luật về khiếu nại.

Trong trường hợp không lựa chọn hình thức khiếu nại trước thì cá nhân, tổ chức là đối tượng bị xử lý có thể khởi kiện đến Tòa hành chính. Thủ tục khởi kiện vụ án hành chính được thực hiện theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Tòa án có thẩm quyền xem xét, đánh giá tính hợp pháp của các quyết định xử lý vi phạm hành chính để bác yêu cầu khởi kiện hay chấp nhận yêu cầu và hủy bỏ quyết định xử lý vi phạm hành chính của cơ quan nhà nước, cá nhân có thẩm quyền.

Quyền khiếu nại, khởi kiện phải được ghi rõ trong nội dung của quyết định xử lý vi phạm hành chính để người bị áp dụng quyết định biết và thực hiện quyền của mình.

**Phần B**  
**XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH**  
**ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP VI PHẠM PHÁP LUẬT**  
**TRONG MỘT SỐ LĨNH VỰC**



# **I. QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP TRONG LĨNH VỰC KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

## **1. Vụ việc thứ nhất**

### **1.1. Tình tiết vụ việc**

Hồi 09 giờ 30 phút ngày 18/6/2018, Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố H đã tiến hành lập Biên bản vi phạm hành chính số 75/BB-XPVPHC đối với Công ty cổ phần Năng lượng xanh dầu khí TCT.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0104854486 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố H cấp lần đầu ngày 06/8/2010, thay đổi lần thứ 2 ngày 22/5/2018.

Địa chỉ trụ sở chính: Tòa tháp W, Khu đô thị X, phường MĐ, quận TLN, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Ông Vũ Thanh H - Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.  
Chứng minh thư nhân dân: Số 0123456789; ngày cấp: 26/5/2005; nơi cấp: Công an thành phố H.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phường TC, quận BĐ, thành phố H, Việt Nam.

**Về hành vi vi phạm:** kê khai không trung thực, không chính xác nội dung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định số 50/2016/NĐ-CP ngày 01/6/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư.

Ngày 18/6/2018, Chánh Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố H:

- Căn cứ Điều 57, Điều 68 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012;
- Căn cứ Nghị định số 216/2013/NĐ-CP ngày 24/12/2013 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành kế hoạch và đầu tư;
- Căn cứ Nghị định số 50/2016/NĐ-CP ngày 01/6/2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư;
- Căn cứ Quyết định số 24/2016/QĐ-UBND ngày 01/8/2016 của

UBND thành phố H về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư;

- Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số 75/BB-XPVPHC lập hồi 09 giờ 30 phút ngày 18/6/2018 của Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố H, và các tài liệu trong hồ sơ xử lý vi phạm của doanh nghiệp

**Ban hành Quyết định số 75/QĐ-XPHC xử phạt đối với:**

Công ty cổ phần Năng lượng xanh dầu khí TCT vì đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính: kê khai không trung thực, không chính xác nội dung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định số 50/2016/NĐ-CP ngày 01/6/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư.

**Hình thức xử phạt:** Xử phạt bằng tiền với mức phạt là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

**Biện pháp khắc phục hậu quả:** Buộc đăng ký thay đổi và thông báo lại các thông tin doanh nghiệp đã kê khai không trung thực, không chính xác...

**1.2. Câu hỏi pháp lý**

- 1. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp kê khai như thế nào là không trung thực và không chính xác?*
- 2. Ai phải chịu trách nhiệm về hành vi kê khai không trung thực, không chính xác nội dung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp?*
- 3. Hậu quả của hành vi kê khai không trung thực, không chính xác nội dung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp?*

**1.3. Lập luận của các bên**

*\* Lập luận của doanh nghiệp*

Doanh nghiệp khi thực hiện đăng ký doanh nghiệp hiện vẫn còn gặp nhiều khó khăn do Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành còn chung chung, một số quy định chồng chéo, hoặc quy định chưa rõ ràng cụ thể, dẫn đến nhiều cách hiểu luật khác

nhau, và xung đột khi thực hiện giữa doanh nghiệp và các phòng đăng ký kinh doanh.

Trong quá trình thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp có lúc, có nơi doanh nghiệp vẫn còn bị phiền hà, sách nhiễu, công tác hỗ trợ doanh nghiệp chưa được các cơ quan quản lý nhà nước thực sự quan tâm.

*\* Lập luận của người có thẩm quyền xử phạt*

- Đăng ký doanh nghiệp là việc người thành lập doanh nghiệp đăng ký thông tin về doanh nghiệp dự kiến thành lập, doanh nghiệp đăng ký những thay đổi hoặc dự kiến thay đổi trong thông tin về đăng ký doanh nghiệp với cơ quan đăng ký kinh doanh và được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Đăng ký doanh nghiệp bao gồm đăng ký thành lập doanh nghiệp, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp và các nghĩa vụ đăng ký, thông báo khác theo quy định của pháp luật.

- Điều 4 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ quy định về đăng ký doanh nghiệp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp tự kê khai hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác của các thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều người đại diện theo pháp luật, chữ ký của những người đại diện theo pháp luật trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp có giá trị pháp lý như nhau.

Như vậy, với các quy định trên, việc kê khai không trung thực, không chính xác nội dung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp thì Công ty cổ phần Năng lượng xanh dầu khí TCT bị xử phạt tiền và phải thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo khoản 1 Điều 24 Nghị định số 50/2016/NĐ-CP ngày 01/6/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư là có căn cứ, đúng pháp luật.

#### ***1.4. Kinh nghiệm cho doanh nghiệp***

Đây là một hành vi vi phạm hành chính xảy ra khá phổ biến trong

hoạt động đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp. Thực tế cho thấy số hồ sơ phải làm đi làm lại khá nhiều, một số ít hồ sơ được làm rất cầu thả, thậm chí “làm lấy được”, nhiều trường hợp kê khai không trung thực, nhất là về số vốn đăng ký, địa chỉ trụ sở... Thậm chí, có nhiều đối tượng đã lợi dụng việc thủ tục thông thoáng để đăng ký thành lập doanh nghiệp, lấy tư cách pháp nhân của doanh nghiệp với mục đích hoạt động vi phạm pháp luật.

Sở dĩ còn có tình trạng vi phạm trên là do trình độ và ý thức chấp hành pháp luật của một bộ phận người dân và doanh nghiệp còn thấp, tính chất của hồ sơ thành lập doanh nghiệp và thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh là do chính nhà đầu tư tự kê khai, tự chịu trách nhiệm.

Các hành vi vi phạm trong lĩnh vực này được quy định tại Mục 4 Chương II Nghị định số 50/2016/NĐ-CP ngày 01/6/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư, và là một trong các hành vi bị nghiêm cấm đối với doanh nghiệp quy định ở khoản 4 Điều 17 Luật Doanh nghiệp năm 2014.

Doanh nghiệp khi thực hiện hành vi vi phạm này được thể hiện dưới hình thức lỗi cố ý hoặc không cố ý khi kê khai, nhưng dù hình thức lỗi nào cũng đều phải chịu trách nhiệm hành chính đối với hành vi của mình là bị xử phạt tiền và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo khoản 1 Điều 24 Nghị định số 50/2016/NĐ-CP ngày 01/6/2016 của Chính phủ.

## **2. Vụ việc thứ hai**

### **2.1. Tình tiết vụ việc**

Ngày 22/5/2019, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố H có Thông báo số 603/TB-KH&ĐT về việc thẩm định hồ sơ đề nghị điều chỉnh Dự án khu dịch vụ công tại Dự án khu nhà ở thấp tầng tại phường ĐM, quận NTL, thành phố H.

Hồi 14 giờ 30 phút ngày 05/6/2019, Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố H lập Biên bản vi phạm hành chính số 73/BB-XPVPHC đối với Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư TL về hành vi vi phạm:

- Không thực hiện báo cáo về hoạt động đầu tư, báo cáo giám sát,

đánh giá dự án đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 13 Nghị định số 50/2016/NĐ-CP ngày 01/6/2016 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư.

- Giãn tiến độ thực hiện dự án, giãn tiến độ đầu tư nhưng chưa được sự chấp thuận bằng văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 13 Nghị định số 50/2016/NĐ-CP ngày 01/6/2016 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư.

Ngày 05/6/2019, Chánh Thanh tra Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố H đã ra Quyết định số 73/QĐ-XPVPHC xử phạt đối với Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư TL:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0101164615 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố H cấp đăng ký lần đầu ngày 27/7/2001, đăng ký thay đổi lần 24 ngày 10/12/2018.

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 18 tháp B Tòa nhà SM, đường PH, phường MĐ, quận NTL, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: ông Nguyễn Phúc L, chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, thẻ căn cước công dân số 00123456789 cấp ngày 21/9/2017, nơi cấp: Cục cảnh sát Đăng ký quản lý cư trú và Dữ liệu quốc gia về dân cư.

Thực hiện dự án: Khu dịch vụ công tại Dự án Khu nhà ở thấp tầng tại phường ĐM, quận NTL, thành phố H theo Quyết định chủ trương đầu tư số 426/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 của UBND thành phố H.

**Đã có các hành vi vi phạm:**

- Không thực hiện báo cáo về hoạt động đầu tư, báo cáo giám sát, đánh giá dự án đầu tư quy định tại điểm a khoản 2 Điều 13 Nghị định số 50/2016/NĐ-CP ngày 01/6/2016 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư.

**Hình thức xử phạt tiền:** 10.000.000 đồng.

- Giãn tiến độ thực hiện dự án, giãn tiến độ đầu tư nhưng chưa

được sự chấp thuận bằng văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư quy định tại điểm c khoản 4 Điều 13 Nghị định số 50/2016/NĐ-CP ngày 01/6/2016 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư.

**Hình thức xử phạt tiền:** 25.000.000 đồng.

## ***2.2. Câu hỏi pháp lý***

- 1. Tại sao không thực hiện báo cáo về hoạt động đầu tư, báo cáo giám sát, đánh giá dự án đầu tư sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính?*
- 2. Vì sao giãn tiến độ thực hiện dự án, giãn tiến độ đầu tư phải được sự chấp thuận bằng văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư?*
- 3. Nhà đầu tư phải làm gì khi giãn tiến độ thực hiện dự án, giãn tiến độ đầu tư?*

## ***2.3. Lập luận của các bên***

### *\* Lập luận của doanh nghiệp*

Doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận đầu tư, trong hồ sơ gửi cho cơ quan đăng ký đầu tư đã có đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: Nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án.

Sau khi dự án được chấp thuận (quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân thành phố), doanh nghiệp đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân thành phố. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện dự án vì các lý do như: không giải phóng được mặt bằng kịp thời, có thay đổi quy hoạch, thay đổi thiết kế, nên đã phải kéo dài thêm thời gian thực hiện của dự án, dẫn đến doanh nghiệp không thực hiện đúng với nội dung, tiến độ đầu tư như đã đăng ký.

Luật quy định nhà đầu tư được giãn tiến độ với thời hạn tối đa là 24 tháng, để có thể xúc tiến tốc độ thực hiện dự án nhanh hơn cho kịp

tiến độ dự án, doanh nghiệp đã lựa chọn đề xuất giãn tiến độ đầu tư với cơ quan đăng ký đầu tư. Khi thực hiện việc giãn tiến độ thực hiện vốn đầu tư, tiến độ xây dựng và đưa công trình chính vào hoạt động, tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động của dự án đầu tư, doanh nghiệp đã có gửi đề xuất bằng văn bản cho cơ quan đăng ký đầu tư, mặc dù cơ quan đăng ký chưa có ý kiến trả lời bằng văn bản nhưng doanh nghiệp vẫn thực hiện dự án là vi phạm và bị xử phạt là có căn cứ.

*\* Lập luận của người có thẩm quyền xử phạt*

Luật Đầu tư cho phép nhà đầu tư điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, trong đó có tiến độ thực hiện dự án đầu tư tại Điều 40. Việc điều chỉnh tiến độ không bị giới hạn về thời hạn tối đa. Bên cạnh đó, Luật quy định nhà đầu tư được giãn tiến độ với thời hạn tối đa là 24 tháng.

Trong vụ vi phạm này, phía Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư TL có đề xuất thực hiện dự án: khu dịch vụ công tại Dự án Khu nhà ở thấp tầng tại phường ĐM, quận NTL, thành phố H, và đã có Quyết định chủ trương đầu tư số 426/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố H.

Tuy nhiên, khi triển khai thực hiện Dự án, Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư TL chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm của nhà đầu tư quy định tại Điều 26 Nghị định số 118/2015 ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư như:

- Trong quá trình triển khai thực hiện dự án đầu tư, nhà đầu tư có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, đất đai, bảo vệ môi trường, lao động và quy định của pháp luật có liên quan.

- Đối với dự án đầu tư thực hiện theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, văn bản quyết định chủ trương đầu tư, nhà đầu tư có trách nhiệm triển khai thực hiện dự án đầu tư theo đúng nội dung quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, văn bản quyết định chủ trương đầu tư và quy định của pháp luật có liên quan.

- Nhà đầu tư có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo hoạt động đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, Nghị định của Chính phủ quy chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư và pháp luật liên quan.

Trường hợp giãn tiến độ đầu tư Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư TL phải tuân thủ quy định về giãn tiến độ đầu tư tại Điều 46 Luật Đầu tư: Đối với dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư, nhà đầu tư phải đề xuất bằng văn bản cho cơ quan đăng ký đầu tư khi giãn tiến độ thực hiện vốn đầu tư, tiến độ xây dựng và đưa công trình chính vào hoạt động (nếu có); tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động của dự án đầu tư.

Nội dung đề xuất giãn tiến độ:

- Tình hình hoạt động của dự án đầu tư và việc thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư đến thời điểm giãn tiến độ;
- Giải trình lý do và thời hạn giãn tiến độ thực hiện dự án;
- Kế hoạch tiếp tục thực hiện dự án, bao gồm kế hoạch góp vốn, tiến độ xây dựng cơ bản và đưa dự án vào hoạt động;
- Cam kết của nhà đầu tư về việc tiếp tục thực hiện dự án.

Tổng thời gian giãn tiến độ đầu tư không quá 24 tháng. Trường hợp bất khả kháng thì thời gian khắc phục hậu quả bất khả kháng không tính vào thời gian giãn tiến độ đầu tư.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề xuất, cơ quan đăng ký đầu tư có ý kiến bằng văn bản về việc giãn tiến độ đầu tư.

Do Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư TL không thực hiện đúng các quy định như nêu trên nên đã bị lập biên bản vi phạm hành chính và ra quyết định xử phạt là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

#### ***2.4. Kinh nghiệm cho doanh nghiệp***

- Doanh nghiệp cần đảm bảo thực hiện đầy đủ các thủ tục hành chính theo yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền trong quá trình

triển khai thực hiện dự án đầu tư như: báo cáo về hoạt động đầu tư, báo cáo giám sát, đánh giá dự án đầu tư...

- Thực hiện đúng các nội dung cam kết do chính doanh nghiệp đã đề xuất khi lập hồ sơ đề xuất thực hiện dự án đầu tư, đề xuất việc giãn tiến độ đầu tư. Qua đó, sẽ giúp cho Nhà nước thực hiện các hoạt động quản lý khi doanh nghiệp đi vào sản xuất, làm cho hoạt động của doanh nghiệp phù hợp với lợi ích cơ bản và lâu dài của Nhà nước, tạo ra sự phát triển đồng đều và cân bằng về mặt kinh tế và xã hội, đảm bảo sự bình đẳng giữa các doanh nghiệp ngay từ khâu gia nhập thị trường.

## **II. QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP TRONG LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG**

### **1. Tình tiết vụ việc**

Ngày 16/4/2018, Phòng Cảnh sát Môi trường Công an tỉnh N lập Biên bản vi phạm hành chính số 43/BB-VPHC đối với Công ty TNHH MTV M.Vina

Ngày 18/4/2018, Giám đốc Công an tỉnh N có Văn bản số 368/CAT-PC49 đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền.

Ngày 20/4/2018, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N căn cứ:

- Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012;
- Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;
- Căn cứ văn bản số 368/CAT-PC49 ngày 18/4/2018 của Giám đốc Công an tỉnh N, Biên bản vi phạm hành chính số 43/BB-VPHC của Phòng Cảnh sát Môi trường Công an tỉnh N đối với Công ty TNHH MTV M.Vina và các tài liệu khác có trong hồ sơ;
- Căn cứ Quyết định số 416/QĐ-UBND ngày 01/9/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính.

Ra quyết định xử phạt đối với Công ty TNHH MTV M.Vina:

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp ĐH, huyện KS, tỉnh N.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2700661944, đăng ký lần đầu ngày 29/11/2012, đăng ký lần 1 ngày 23/02/2016 tại Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh N.

Người đại diện theo pháp luật: ông Le Chung R, sinh ngày 09/10/1967, quốc tịch Hàn Quốc.

Giấy chứng thực cá nhân số 12345678 do Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc cấp ngày 04/7/2008.

Chức vụ: Giám đốc.

**Đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính:** Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa thông số môi trường thông thường vào môi trường.

Tình tiết tăng nặng/giảm nhẹ: không

**Bị áp dụng hình thức xử phạt:**

**Phạt chính:** phạt tiền 208.000.000 đồng (Hai trăm linh tám triệu đồng) gồm:

- Phạt 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) về hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn chất thải từ 10 lần trở lên. Thải lượng nước thải nhỏ hơn 05 m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ) theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 13 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

- Phạt tăng thêm 128.000.000 đồng (Một trăm hai mươi tám triệu đồng) tương đương 160% khung phạt theo quy định khoản 7 Điều 13 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

+ Phạt tăng thêm 30% đối với thông số môi trường TDS vượt quy chuẩn kỹ thuật từ 02 đến dưới 05 lần;

+ Phạt tăng thêm 30% đối với thông số môi trường (PO<sub>4</sub>-3-P vượt quy chuẩn kỹ thuật từ 02 đến dưới 05 lần;

+ Phạt tăng thêm 50% đối với thông số môi trường (BOD<sub>5</sub>-3 vượt quy chuẩn kỹ thuật từ 10 lần trở lên;

+ Phạt tăng thêm 50% đối với thông số môi trường (NH<sub>4</sub> - tính theo N) vượt quy chuẩn kỹ thuật từ 10 lần trở lên.

**Phạt bổ sung:** không

**Biện pháp khắc phục hậu quả:** Yêu cầu Công ty trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày nhận được Quyết định xử phạt vi phạm hành chính phải khắc phục, sửa chữa xong hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo toàn bộ lượng nước thải thoát ra ngoài môi trường phải được xử lý triệt để, đạt QCVN 14.2008/BTNMT, cột A trước khi thải ra môi

trường như cam kết bảo vệ môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận theo quy định tại điểm a khoản 9 Điều 13 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Công ty TNHH MTV M.Vina phải chi trả kinh phí trưng cầu giám định, phân tích nước thải theo hồ sơ vụ việc số tiền là 2.001.000 đồng (Hai triệu không trăm linh một nghìn đồng) theo quy định tại điểm c khoản 9 Điều 13 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

## **2. Câu hỏi pháp lý**

- 1. Dựa vào căn cứ nào để kết luận có hành vi xả nước thải có chứa thông số môi trường thông thường vào môi trường?*
- 2. Thủ tục xác định các thông số môi trường thông thường trong nước thải được thực hiện như thế nào?*
- 3. Tại sao thẩm quyền xử phạt thuộc Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh?*
- 4. Áp dụng hình thức xử phạt tiền, biện pháp khắc phục hậu quả trong nội dung quyết định có đúng không? Tại sao?*

## **3. Lập luận của các bên**

### *\* Lập luận của doanh nghiệp*

Sau khi bị lập biên bản vi phạm hành chính, doanh nghiệp đã thực hiện đầy đủ các thủ tục pháp lý về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật, có ý thức khắc phục ngay các tồn tại, vi phạm đã bị xử phạt vi phạm hành chính.

Doanh nghiệp cam kết xây dựng kế hoạch để đầu tư lắp đặt, vận hành hệ thống công nghệ tiên tiến xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường, hệ thống quan trắc tự động nước thải, dữ liệu quan trắc được truyền tự động liên tục về Sở Tài nguyên và Môi trường. Qua đó, góp phần đáng kể vào việc ngăn ngừa, giảm thiểu các hành vi gây ô nhiễm môi trường ở khu công nghiệp.

*\* Lập luận của người có thẩm quyền xử phạt*

Các doanh nghiệp luôn tìm cách “đối phó” với các lực lượng chức năng để tránh bị phát hiện vi phạm, như thường tiến hành xả trộm nước thải vào ban đêm, ngoài giờ hành chính. Hành vi xả nước thải có chứa thông số môi trường thông thường vào môi trường của doanh nghiệp đã được lực lượng công an, trinh sát theo dõi vào thời gian ban đêm, ngoài giờ hành chính, thông qua sử dụng kết quả thu bằng thiết bị, hệ thống quan trắc tự động liên tục nước thải để làm căn cứ xử phạt vi phạm hành chính.

Qua xử lý vụ vi phạm cho thấy, các doanh nghiệp do đặt nặng mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận, đã thiếu trách nhiệm trong việc xây lắp không đúng quy định đối với công trình bảo vệ môi trường, không có biện pháp thu gom triệt để nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động để xử lý theo quy định; không vận hành công trình xử lý nước thải hoặc vận hành chưa hiệu quả... dẫn tới bị xử phạt vi phạm hành chính.

#### **4. Kinh nghiệm cho doanh nghiệp**

Thực hiện tần suất quan trắc nước thải định kỳ là 06 tháng/lần. Số liệu quan trắc được lưu giữ làm căn cứ để kiểm tra hoạt động của hệ thống xử lý nước thải, làm cơ sở để đánh giá sự phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật về môi trường; trường hợp nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường phải rà soát lại hệ thống xử lý nước thải hoặc cải tạo, nâng cấp công trình xử lý nước thải bảo đảm đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trước khi xả thải ra môi trường để tránh xảy ra sự cố vi phạm và bị xử lý.

Doanh nghiệp có thể lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục để theo dõi, giám sát và đề xuất các giải pháp cải thiện môi trường đối với hệ thống xử lý nước thải của mình, thay vì thực hiện chương trình quan trắc nước thải định kỳ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có thay đổi tính chất hoặc quy mô đến mức thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường thì chủ đầu tư dự án, chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và gửi cho cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

### **III. QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP TRONG TRONG HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI, SẢN XUẤT, BUÔN BÁN HÀNG GIẢ, HÀNG CẤM VÀ BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG**

#### **1. Tình tiết vụ việc**

Chi nhánh Công ty TNHH sản xuất - thương mại H tại thành phố Đ là đơn vị phụ thuộc của Công ty TNHH sản xuất - thương mại H được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh mã số 0303294588-001 ngày 05/02/2013, lĩnh vực hoạt động là đóng gói, pha chế các loại hương liệu, phụ gia sản xuất thực phẩm thuộc diện quản lý về hoạt động kinh doanh trên thị trường của Đội Quản lý thị trường số 8, Chi cục Quản lý thị trường thành phố Đ.

Ngày 24/3/2015, Chi cục Quản lý thị trường thành phố Đ nhận được văn bản số 367/CV-A-2015 ngày 23/3/2015 của Công ty AJINOMTO Việt Nam đề nghị kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính đối với Chi nhánh Công ty TNHH sản xuất - thương mại H tại thành phố Đ vì đang sản xuất và kinh doanh mặt hàng mì chính (bột ngọt) mang nhãn hiệu ANO - TAKA có gắn dấu hiệu xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu AJINOMTO của Công ty AJINOMTO Việt Nam.

Ngày 15/4/2015, Đội Quản lý thị trường số 8 thuộc Chi cục Quản lý thị trường thành phố Đ đã ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 115/QĐ-Đ8 trưng cầu Viện Khoa học Sở hữu trí tuệ Việt Nam giám định đối với tất cả các dấu hiệu gắn trên bao bì sản phẩm mì chính (bột ngọt) đang được bày bán tại Chi nhánh Công ty TNHH sản xuất - thương mại H tại thành phố Đ theo mẫu gửi kèm có hay không sự tương tự đến mức gây nhầm lẫn đối với các đối tượng là các nhãn hiệu đã được bảo hộ mà Công ty AJINOMTO Việt Nam là chủ sở hữu hợp pháp tại Việt Nam theo hợp đồng li-xăng giữa AJINOMTO CO.,INC và Công ty AJINOMTO Việt Nam.

Ngày 04/5/2015, Viện Khoa học Sở hữu trí tuệ Việt Nam có Kết luận giám định số NH150-15TC/KLGĐ trong đó kết luận dấu hiệu:

“Ba chữ tượng hình” gắn trên sản phẩm mỹ chính như thể hiện tại Mẫu vật giám định là yếu tố xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu “Ba chữ tượng hình” được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 169 của CO.,INC.

Ngày 22/6/2015, Đội Quản lý thị trường số 8 xây dựng kế hoạch kiểm tra hàng hóa có dấu hiệu là hàng hóa giả mạo, hàng hóa xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu.

Ngày 24/6/2015, Đội trưởng Đội Quản lý thị trường số 8 ban hành Quyết định số 0196707/QĐ-KT kiểm tra việc chấp hành pháp luật, Quyết định kiểm tra đột xuất số 392/QĐ-QLTT đối với Chi nhánh Công ty TNHH sản xuất - thương mại H tại thành phố Đ. Nội dung kiểm tra bao gồm:

- Kiểm tra Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp việc thực hiện theo nội dung đăng ký;
- Kiểm tra hàng hóa tại địa điểm kinh doanh, hóa đơn, chứng từ có liên quan đến hàng hóa;
- Kiểm tra việc đo lường chất lượng hàng hóa theo quy định.

Ngày 24/6/2015, Đội trưởng Đội Quản lý thị trường số 8 đã lập Biên bản kiểm tra số 0169662, ban hành Quyết định số 73856/QĐ-TGTV tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy tờ theo thủ tục vi phạm hành chính, thời gian tạm giữ tang vật thực tế là 18 giờ 00 phút ngày 24/6/2015, Biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy tờ theo thủ tục hành chính Chi nhánh Công ty TNHH sản xuất - thương mại H tại thành phố Đ với tổng giá trị hàng hóa là: 705.554.800 đồng.

Ngày 30/6/2015, Đội trưởng Đội Quản lý thị trường số 8 ban hành Quyết định số 029365/QĐ-KDTGTV kéo dài thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy tờ theo thủ tục hành chính 30 ngày kể từ 18 giờ 00 phút ngày 24/6/2015.

Ngày 24/7/2017, Phó Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường thành phố Đ ban hành Quyết định số 0024098/QĐ-GHTGTV gia hạn thời gian tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy tờ theo thủ tục hành chính 30 ngày kể từ 18 giờ 00 phút ngày 24/7/2015.

Ngày 05/8/2015, Chi cục Quản lý thị trường thành phố Đ đã có Công văn số 504/QLTT-TTPC gửi Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đ và đã nhận được Công văn trả lời số 533/SKH-CN-QLSH có nội dung kết luận: “là yếu tố xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu ‘Ba chữ tượng hình’ được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 169”.

Ngày 18/8/2015, Chi cục Quản lý thị trường thành phố Đ đã có Công văn số 505/QLTT-TTPC gửi Cục Sở hữu trí tuệ, Bộ Khoa học và Công nghệ đề nghị cho biết ý kiến chuyên môn để xác định hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu “Ba chữ Nhật Bản” cho sản phẩm bột ngọt (mỳ chính).

Ngày 23/8/2015, Đội trưởng Đội Quản lý thị trường số 8 ban hành Quyết định số 0029505/QĐ-TLTV trả lại tang vật, phương tiện, giấy tờ theo thủ tục hành chính, Biên bản trả lại tang vật, phương tiện, giấy tờ theo thủ tục hành chính cho Chi nhánh Công ty TNHH sản xuất - thương mại H tại thành phố Đ.

Ngày 18/8/2015, Đội trưởng Đội Quản lý thị trường số 8 lập Biên bản vi phạm hành chính số 00444483/BB-VPHC đối với Chi nhánh Công ty TNHH sản xuất - thương mại H tại thành phố Đ về hành vi vi phạm hành chính: đóng gói hàng hóa xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 11 Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29/8/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp.

Ngày 10/9/2015, Cục Sở hữu trí tuệ, Bộ Khoa học và Công nghệ có Công văn số 8556/SHTT-TTKN trả lời ý kiến chuyên môn đối với Công văn số 505/QLTT-TTPC ngày 18/8/2015 của Chi cục Quản lý thị trường thành phố Đ.

Nội dung công văn: Theo mẫu bao gói sản phẩm mỳ chính (bột ngọt) do quý cơ quan cung cấp kèm theo Công văn thì việc sử dụng mẫu bao bì mỳ chính mang dấu hiệu “Ba chữ Nhật Bản” bị coi là tương tự với nhãn hiệu được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 169. Do vậy, việc sản xuất, buôn bán, lưu thông, tàng

trữ nhằm để bán các sản phẩm bột ngọt mang dấu hiệu “Ba chữ Nhật Bản” nêu trên mà không do chủ nhãn hiệu hoặc người được chủ nhãn hiệu cho phép sản xuất là hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu được quy định tại Điều 129 Luật Sở hữu trí tuệ.

Ngày 21/10/2015, Chi Cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường thành phố Đ có Công văn số 563/QLTT-TTP đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ ra Quyết định xử phạt theo thẩm quyền đối với Chi nhánh Công ty TNHH sản xuất - thương mại H tại thành phố Đ.

Ngày 19/10/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ ban hành Quyết định số 7737/QĐ-XPHC đối với Chi nhánh Công ty TNHH sản xuất - thương mại H tại thành phố Đ.

**Đã có hành vi vi phạm:** Đóng gói hàng hóa xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu quy định tại điểm a khoản 1, khoản 12, điểm a khoản 13 Điều 11 Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29/8/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp.

**Hình thức xử phạt chính:** Phạt tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng chẵn).

**Hình thức xử phạt bổ sung:** Đình chỉ hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ 03 tháng theo quy định tại khoản 16 Điều 11 Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29/8/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp.

**Biện pháp khắc phục hậu quả:** Buộc loại bỏ yếu tố vi phạm và tiêu hủy yếu tố vi phạm quy định tại điểm a khoản 17 Điều 11 Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29/8/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp.

Ngày 28/10/2015, Chi nhánh Công ty TNHH sản xuất - thương mại H tại thành phố Đ nộp đơn khởi kiện đến Tòa án:

- Yêu cầu hủy Quyết định số 7737/QĐ-XPHC ngày 19/10/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ.

- Yêu cầu tuyên bố các hành vi của Đội trưởng Đội Quản lý thị trường số 8 thành phố Đ trái pháp luật (hành vi kiểm tra vượt quá nội

dung thông báo theo quyết định kiểm tra; xác định giá trị hàng hóa không đúng pháp luật; thủ tục tạm giữ hàng hóa không đúng pháp luật; trả lại hàng hóa còn niêm phong nhưng thiếu 04 bao bột ngọt).

- Yêu cầu đền bù thiệt hại số tiền là 1.493.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm chín mươi ba triệu đồng).

## **2. Câu hỏi pháp lý**

1. Tại sao Đội Quản lý thị trường số 8 thành phố Đ thụ lý đơn yêu cầu của Công ty AJINOMOTO Việt Nam?
2. Thủ tục xử lý vi phạm hành chính của Đội Quản lý thị trường số 8 thành phố Đ được thực hiện như thế nào?
3. Quyết định số 7737/QĐ-XPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với Chi nhánh Công ty TNHH sản xuất - thương mại H tại thành phố Đ có đúng không? Tại sao?
4. Căn cứ nào để Chi nhánh Công ty TNHH sản xuất - thương mại H tại thành phố Đ đưa ra yêu cầu bồi thường thiệt hại?
5. Trong vụ kiện này, cơ quan nào có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho doanh nghiệp?

## **3. Lập luận của các bên**

### *\* Lập luận của bên doanh nghiệp*

Đội Quản lý thị trường số 8 kiểm tra không đúng với nội dung của quyết định kiểm tra ban đầu, cụ thể nội dung kiểm tra: xâm phạm quyền nhãn hiệu (ba chữ Nhật Bản) không có trong quyết định kiểm tra, nhưng Đội Quản lý thị trường số 8 không ban hành quyết định kiểm tra bổ sung theo quy định của pháp luật.

Khi tiến hành tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy tờ theo thủ tục hành chính không có mặt người đại diện theo pháp luật của Chi nhánh công ty, hay người đại diện theo ủy quyền của Giám đốc Chi nhánh.

Vi phạm thủ tục xác định giá trị hàng hóa để làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt, cụ thể đã trị giá tất cả toàn bộ

hàng hóa với giá trị lên đến 705.554.000 đồng, trong đó có cả nguyên liệu, bao bì chưa đóng gói.

Xử phạt Chi nhánh Công ty TNHH sản xuất - thương mại H tại thành phố Đ là không đúng đối tượng bị xử phạt, vì Chi nhánh không phải là pháp nhân.

Căn cứ xác định về hành vi vi phạm xâm phạm quyền nhãn hiệu (ba chữ Nhật Bản) dựa trên cơ sở các kết luận giám định khác nhau của Viện Khoa học Sở hữu trí tuệ Việt Nam và Cục Sở hữu trí tuệ là thiếu căn cứ, từ việc xác định giá trị không đúng, dẫn đến mức tiền phạt 500.000.000 đồng của quyết định xử phạt là trái pháp luật.

*\* Lập luận của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính*

Về thủ tục kiểm tra, nội dung kiểm tra của Đội Quản lý thị trường số 8 không vượt quá nội dung kiểm tra ban đầu vì: đây là hoạt động kiểm tra đột xuất có dấu hiệu vi phạm pháp luật, cụ thể trước đó đã có quyết định trưng cầu giám định và kết luận giám định của Viện Khoa học Sở hữu trí tuệ Việt Nam về các dấu hiệu gắn trên bao bì sản phẩm đang bày bán của Chi nhánh Công ty TNHH sản xuất - thương mại H tại thành phố Đ. Nội dung kiểm tra hàng hóa tại địa điểm kinh doanh, hóa đơn, chứng từ, có liên quan đến hàng hóa, tức là kiểm tra tính hợp pháp của hàng hóa đó có phải là hàng nhập lậu, không rõ nguồn gốc xuất xứ, hàng xâm phạm quyền, hàng giả...

Phương án kiểm tra tập trung vào hàng hóa là mỳ chính, không kiểm tra hàng hóa nào khác nên không vượt quá nội dung kiểm tra.

Về thủ tục tạm giữ tang vật vi phạm hành chính: Xét thấy cần thiết cần phải tạm giữ tang vật là hàng hóa, Đội trưởng Đội Quản lý thị trường số 8 đã lập biên bản và ra quyết định tạm giữ. Tang vật đã được niêm phong, chuyển giao bảo quản tang vật trước sự chứng kiến và có chữ ký của Giám đốc Chi nhánh Công ty TNHH sản xuất - thương mại H tại thành phố Đ, và đã có quyết định trả, biên bản trả tang vật, phương tiện, giấy tờ theo thủ tục hành chính đúng pháp luật.

Về xác định giá trị hàng hóa được cho là xâm phạm quyền đúng quy định của pháp luật vì: Tổng giá trị hàng hóa được xác định như sau:

- Tại Văn phòng Chi nhánh nơi bán hàng có số lượng 573 gói x giá niêm yết bán, tổng cộng thành tiền là 14.694.000 đồng (1);
- Tại xưởng đóng gói của Chi nhánh đồng thời là địa điểm kinh doanh thành phẩm là mỳ chính đã được đóng gói số lượng là 20.920 gói x đơn giá, có tổng trị giá là 413.648.000 đồng (2);
- Bao bì có vỏ bao bì (túi ni-lon) dùng để đóng gói sản phẩm và thùng carton dùng để đựng thành phẩm, trên bao bì có gắn dấu hiệu vi phạm theo hóa đơn VAT có tổng trị giá là 102.012.000 đồng (3);
- Nguyên liệu là mỳ chính được mua tại Công ty TNHH sản xuất - thương mại H có số lượng 4.800 kg đựng trong 192 bao loại 25 kg/1bao, giá tại hóa đơn VAT tổng trị giá là 175.200.000 đồng (4).

Như vậy, tổng giá trị toàn bộ tang vật là hàng hóa mỳ chính tại nơi bán hàng; thành phẩm mỳ chính đã được đóng gói; bao bì, thùng carton dùng để đựng thành phẩm gắn dấu hiệu vi phạm; nguyên liệu dùng để đóng gói thành phẩm gắn dấu hiệu vi phạm (1+2+3+4) = 705.554.800 đồng.

Theo Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính trong đó, tại điểm b khoản 2 Điều 3 quy định về tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm phải trên cơ sở các căn cứ: *“Vật, tiền, hàng hóa, phương tiện là tang vật trực tiếp của vi phạm hành chính hoặc được trực tiếp sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm hành chính, mà nếu không có vật, tiền, hàng hóa, phương tiện này thì không thể thực hiện được hành vi vi phạm”*.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ ban hành quyết định xử phạt về hành vi vi phạm quyền dựa trên các văn bản: Kết luận giám định số NH150-15TC/KLGĐ của Viện Khoa học Sở hữu trí tuệ Việt Nam; Văn bản số 8556/SHTT-TTKN của Cục Sở hữu trí tuệ; Văn bản số 533/SKHCN-QLSH của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đ cùng nhiều tài liệu khác của hồ sơ xử phạt, nên việc xử phạt về hành vi “đóng gói hàng hóa xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu” là có căn cứ.

#### **4. Kinh nghiệm cho doanh nghiệp**

*\* Doanh nghiệp được thực hiện quyền tự vệ theo quy định tại Điều 198 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, sửa đổi, bổ sung năm 2009 và năm 2019*

Chủ thể quyền sở hữu trí tuệ có quyền áp dụng các biện pháp sau để bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của mình:

- Áp dụng biện pháp công nghệ nhằm ngăn ngừa hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ;
- Yêu cầu tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ phải chấm dứt hành vi xâm phạm, xin lỗi, cải chính công khai, bồi thường thiệt hại;
- Yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ và các quy định khác của pháp luật có liên quan;
- Khởi kiện ra Tòa án hoặc trọng tài để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp, Nghị định số 99/NĐ-CP ngày 29/8/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp, tại Điều 22 quy định: Quyền yêu cầu xử lý vi phạm và thẩm quyền chủ động phát hiện, xử lý vi phạm trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp.

Như vậy, khi phát hiện hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu hàng hóa của mình, doanh nghiệp có quyền sử dụng một trong các biện pháp trên để bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của mình. Hay nói cách khác, Công ty AJINOMTO Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính để bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp được xác lập trên cơ sở quyết định cấp văn bằng bảo hộ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo thủ tục đăng ký quy định của Luật Sở hữu trí tuệ, hoặc công nhận đăng ký quốc tế theo các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

*\* Yêu cầu xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp*

Khi có yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp,

doanh nghiệp phải thực hiện các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Chương IV, từ Điều 22 đến Điều 32 Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29/8/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp. Theo đó, doanh nghiệp có yêu cầu xử lý vi phạm hành chính thực hiện những nội dung cụ thể sau:

- Trực tiếp hoặc ủy quyền nộp đơn yêu cầu xử lý vi phạm, trong đó nêu rõ ngày làm đơn, tên cơ quan nhận đơn hoặc các cơ quan nhận đơn, thông tin về tổ chức, cá nhân yêu cầu xử lý vi phạm; người đại diện hợp pháp hoặc tổ chức, cá nhân được ủy quyền; đối tượng sở hữu công nghiệp liên quan; hàng hóa, dịch vụ có dấu hiệu vi phạm; tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân vi phạm; biện pháp yêu cầu xử lý; chữ ký của người đại diện hợp pháp của tổ chức, cá nhân yêu cầu xử lý vi phạm hoặc tổ chức, cá nhân được ủy quyền, dấu xác nhận chữ ký, nếu có; nếu trước đó đơn đã được gửi cho cơ quan khác thì phải ghi rõ tên cơ quan và ngày gửi đơn trước đó.

- Giao nộp tài liệu kèm theo đơn yêu cầu xử lý vi phạm để chứng minh quyền yêu cầu xử lý vi phạm; tài liệu mô tả hoặc ảnh chụp hành vi hoặc hàng hóa, dịch vụ vi phạm; địa điểm nơi có hành vi hoặc hàng hóa, dịch vụ vi phạm. Hoặc có thể cung cấp các tài liệu, mẫu vật, chứng cứ khác để hỗ trợ cơ quan có thẩm quyền xác định hành vi vi phạm và hàng hóa, dịch vụ vi phạm.

- Thực hiện dịch vụ yêu cầu giám định sở hữu công nghiệp, yêu cầu cơ quan nhà nước về sở hữu công nghiệp cung cấp ý kiến chuyên môn về xác định phạm vi bảo hộ và yếu tố vi phạm, chủ động cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh hành vi xâm phạm hoặc làm rõ các tình tiết của vụ việc; giao nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của người có thẩm quyền xử lý vi phạm và giải trình.

- Sao chụp, ghi chép tài liệu, chứng cứ của bên bị yêu cầu xử lý vi phạm; tài liệu, chứng cứ của người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính (văn bản trưng cầu ý kiến chuyên môn của cơ quan nhà nước về sở hữu công nghiệp hoặc trưng cầu giám định sở hữu công nghiệp để làm rõ các tình tiết của vụ việc).

- Thực hiện yêu cầu hợp tác, hỗ trợ với người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính trong thanh tra, kiểm tra, xác minh, thu thập chứng cứ để xử lý vi phạm.

Khi phát hiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp, những người có thẩm quyền xử phạt quy định tại các điều từ Điều 16 đến Điều 21 Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29/8/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp và công chức, viên chức đang thi hành công vụ có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính. Trình tự, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương III Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

*\* Cơ quan xử lý vi phạm có quyền từ chối, dừng xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp*

- Cơ quan xử lý vi phạm từ chối xử lý vi phạm trong các trường hợp sau đây:

+ Đơn yêu cầu xử lý vi phạm được nộp khi đang có tranh chấp quyền sở hữu công nghiệp liên quan;

+ Người yêu cầu xử lý vi phạm không đáp ứng yêu cầu của cơ quan xử lý vi phạm về giải trình, bổ sung chứng cứ chứng minh tư cách chủ thể quyền sở hữu công nghiệp và chứng minh vi phạm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 25 Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29/8/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp;

+ Hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

+ Kết quả xác minh của cơ quan xử lý vi phạm hoặc cơ quan công an cho thấy không có vi phạm như mô tả trong đơn yêu cầu xử lý vi phạm;

+ Có kết luận, quyết định hoặc thông báo của cơ quan có thẩm quyền về việc không đủ căn cứ để tiến hành thủ tục xử lý vi phạm;

+ Hành vi không bị coi là vi phạm theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ hoặc không bị xử phạt hành chính theo quy định

của Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29/8/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp.

- Người thụ lý đơn yêu cầu xử lý vi phạm phải dừng thủ tục xử lý vi phạm trong các trường hợp sau đây:

+ Có phát sinh khiếu nại, tố cáo, tranh chấp sau khi đã thụ lý đơn yêu cầu xử lý vi phạm và phải chờ kết quả giải quyết của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29/8/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp;

+ Chưa có đủ căn cứ xác định hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp sau khi đã thụ lý đơn yêu cầu xử lý vi phạm;

+ Người nộp đơn yêu cầu xử lý vi phạm có văn bản rút yêu cầu xử lý vi phạm;

+ Các bên tự thỏa thuận để giải quyết vụ việc theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29/8/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp (trừ trường hợp hành vi vi phạm liên quan đến sản xuất, kinh doanh hàng hóa giả mạo nhãn hiệu, giả mạo chỉ dẫn địa lý, bao bì, tem, nhãn, vật phẩm khác mang nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý giả mạo thì người có thẩm quyền xử phạt vẫn tiến hành thủ tục xử phạt hành chính đối với hành vi vi phạm đó, mặc dù nhận được thông báo rút yêu cầu xử lý vi phạm).

*\* Khởi kiện quyết định xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp, đồng thời yêu cầu bồi thường thiệt hại do quyết định xử lý vi phạm hành chính lĩnh vực sở hữu công nghiệp gây ra*

Doanh nghiệp có quyền khởi kiện đối với quyết định xử lý vi phạm hành chính trong trường hợp không đồng ý với quyết định đó, và có thể đồng thời yêu cầu bồi thường thiệt hại do quyết định hành chính gây ra.

Tuy nhiên, khi đưa ra yêu cầu bồi thường thiệt hại do quyết định hành chính gây ra, doanh nghiệp cần lưu ý quy định về phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính

(đối với xử phạt vi phạm hành chính) tại Điều 17 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017. Cụ thể, Nhà nước có trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong các trường hợp sau đây:

- Ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trái pháp luật;
- Áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm việc xử lý vi phạm hành chính trái pháp luật;
- Áp dụng một trong các biện pháp khắc phục hậu quả vi phạm hành chính sau đây trái pháp luật: Buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép (xử phạt xây dựng); Buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hóa, bao bì hàng hóa, phương tiện kinh doanh, vật phẩm; Buộc thu hồi sản phẩm, hàng hóa không bảo đảm chất lượng;
- Áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trái pháp luật.

Và các quy định về thiệt hại được bồi thường tại Chương III, từ Điều 22 đến Điều 31 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017.

Ngoài việc đưa ra yêu cầu khởi kiện đúng đối tượng, thì doanh nghiệp còn phải chuẩn bị đầy đủ tài liệu, chứng cứ để chứng minh về tính bất hợp pháp của quyết định xử lý vi phạm hành chính. Đó là những căn cứ làm phát sinh trách nhiệm bồi thường của Nhà nước đối với thiệt hại thực tế mà doanh nghiệp đã yêu cầu.

## **IV. QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP TRONG HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

### **1. Vụ việc thứ nhất**

#### **1.1. Tình tiết vụ việc**

Ngày 06/5/2016, Thanh tra Bộ X lập Biên bản vi phạm hành chính số 01 đối với Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục TDS Việt Nam về hành vi vi phạm: Tổ chức thi công công trình cao 7 tầng trên ô đất T2 dùng làm trường Tiểu học, Trung học cơ sở PL và Trường phổ thông trung học NT không đúng quy hoạch chi tiết 1/500 được Ủy ban nhân dân thành phố H phê duyệt theo điểm b khoản 7 Điều 13 Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở.

Ngày 01/6/2016, Chánh Thanh tra Bộ X ban hành Quyết định số 199/QĐ-XPVPHC:

- Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 ngày 20/6/2012; Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở; Thông tư số 02/2014/TT-BXD ngày 12/02/2014 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở.

- Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số 01 ngày 06/5/2016 của Thanh tra Bộ X.

Xử phạt đối với Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục TDS Việt Nam:

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Minh T, chức vụ: Giám đốc.

**Đã có hành vi vi phạm hành chính:** Tổ chức thi công công trình cao 7 tầng trên ô đất T2 dùng làm trường Tiểu học, Trung học cơ sở PL và Trường phổ thông trung học NT không đúng quy hoạch chi tiết 1/500 được Ủy ban nhân dân thành phố H phê duyệt theo điểm b khoản 7 Điều 13 Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở.

**Hình thức xử phạt chính:** Phạt tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) theo quy định tại điểm h khoản 7 Điều 13 Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở.

**Các biện pháp khắc phục hậu quả:** Yêu cầu Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục TDS Việt Nam liên hệ với các cơ quan chức năng thực hiện về thủ tục sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, và đầu tư xây dựng công trình.

## **1.2. Câu hỏi pháp lý**

1. Căn cứ nào để xác định hành vi vi phạm của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục TDS Việt Nam?
2. Áp dụng mức tiền phạt của quyết định xử phạt có đúng không? Vì sao?
3. Biện pháp khắc phục hậu quả đã được áp dụng có đúng với quy định của pháp luật không? Tại sao?

## **1.3. Lập luận của các bên**

*\* Lập luận của doanh nghiệp*

Doanh nghiệp xây dựng công trình vào khoảng năm 2013, đến

năm 2015 thì công trình hoàn thành và được đưa vào sử dụng. Tại thời điểm này, thành phố đang có chủ trương tách địa giới hành chính một huyện thành hai quận, và đây là công trình trường học, để kịp thời phục vụ cho mục đích giáo dục con em của địa phương, nên Công ty chưa làm đầy đủ thủ tục khi xây dựng công trình.

Mặt khác, trong hai năm xây dựng công trình trường học này không có lực lượng chức năng nào kiểm tra và lập biên bản vi phạm đối với doanh nghiệp.

Công ty xây dựng công trình trường học 7 tầng khi chưa có giấy phép xây dựng, khi chưa được nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy là có sai phạm. Sai phạm của doanh nghiệp đã bị Chánh Thanh tra Bộ X lập biên bản và ra quyết định xử phạt. Doanh nghiệp sẽ chấp hành nội dung của quyết định xử phạt.

*\* Lập luận của người có thẩm quyền xử phạt*

Công trình hoàn thành, được đưa vào sử dụng mới có đơn tố cáo của công dân về các sai phạm trong hoạt động xây dựng. Thanh tra Bộ X đã tiến hành kiểm tra và ra quyết định xử phạt đối với Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục TDS Việt Nam. Tại thời điểm xử phạt Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục TDS Việt Nam, căn cứ pháp lý được áp dụng theo quy định điểm b khoản 7 Điều 13 Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở là đúng pháp luật.

Để quản lý trật tự xây dựng được hiệu quả, doanh nghiệp tham gia hoạt động đầu tư xây dựng phải có trách nhiệm chấp hành quy định pháp luật về xây dựng, trật tự xây dựng; cung cấp thông tin về tình hình triển khai các dự án, số lượng sản phẩm của dự án cho các cấp có thẩm quyền. Khi bị xử phạt phải thực hiện nghiêm chỉnh, đúng thời hạn yêu cầu trong quyết định xử lý vi phạm trật tự xây dựng của cấp có thẩm quyền; trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng thời hạn thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

#### **1.4. Kinh nghiệm cho doanh nghiệp**

- Trước khi khởi công xây dựng công trình, doanh nghiệp phải có giấy phép xây dựng, trừ trường hợp xây dựng các công trình được miễn không phải cấp giấy phép theo quy định của pháp luật. Chỉ khi có giấy phép xây dựng, doanh nghiệp mới được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận việc cho phép được thực hiện xây dựng nhà cửa, công trình... theo nguyện vọng trong phạm vi nội dung được cấp phép. Đồng thời, giấy phép xây dựng không chỉ là một công cụ để tổ chức thực thi quy hoạch đô thị đã được thông qua, mà qua đó làm căn cứ để xác định doanh nghiệp xây dựng đúng hay không đúng quy hoạch.

- Công trình xây dựng phải đáp ứng các điều kiện như phù hợp với quy hoạch xây dựng chi tiết được duyệt; bảo đảm các quy định về chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng thiết kế đô thị, các yêu cầu về an toàn đối với công trình xung quanh, bảo đảm hành lang bảo vệ các công trình giao thông, thuỷ lợi, đê điều, năng lượng, khu di sản văn hoá, di tích lịch sử - văn hoá và khu vực bảo vệ các công trình khác theo quy định của pháp luật.

- Khi tiến hành xây dựng công trình, không vì yếu tố lợi nhuận, không lợi dụng sự lơ là giám sát, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước và chính quyền ở địa phương mà doanh nghiệp bất chấp các quy định của pháp luật, để thực hiện các vi phạm về trật tự xây dựng hoặc tìm cách hợp thức hóa sai phạm như: Xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng mà theo quy định của pháp luật phải có giấy phép xây dựng; Xây dựng công trình sai giấy phép xây dựng do cấp có thẩm quyền cấp; Xây dựng công trình gây lún, nứt, có nguy cơ gây sụp đổ công trình bên cạnh; Xây dựng công trình sai quy hoạch chi tiết 1/500; sai thiết kế được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (trong trường hợp được miễn giấy phép). Bởi nếu doanh nghiệp có hành vi vi phạm thì sẽ bị xử lý, và phải chấp hành các hình thức xử phạt, các biện pháp buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng vi phạm, khi thực hiện các biện pháp này sẽ gây tổn kém về vật chất cho doanh nghiệp, gây ảnh hưởng xấu đến hình ảnh của

doanh nghiệp khi vụ vi phạm được công khai trên phương tiện thông tin đại chúng.

- Trong trường hợp có hành vi vi phạm trật tự xây dựng bị phát hiện, xử lý, doanh nghiệp phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định đình chỉ xây dựng, quyết định xử lý vi phạm có hiệu lực pháp luật, tự giác phá dỡ những công trình xây dựng trái phép, xây dựng sai giấy phép, xây dựng không tuân thủ theo quy hoạch xây dựng. Khắc phục sai phạm về thủ tục hồ sơ pháp lý theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước, trước khi bị cơ quan có thẩm quyền cưỡng chế.

## **2. Vụ việc thứ hai**

### **2.1. Tình tiết vụ việc**

Hồi 15 giờ 30 phút ngày 06/5/2019 tại khu CC04 thuộc khu D Dự án Khu đô thị AP, phường BA, quận T, thành phố H, Công chức địa chính - xây dựng phường BA đã tiến hành lập Biên bản vi phạm hành chính số 14/BB-VPHC đối với Công ty Cổ phần Phát triển và Kinh doanh Nhà về hành vi vi phạm:

Tổ chức thi công công trình không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng đối với công trình phải lập báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng hoặc lập dự án đầu tư xây dựng tại khu vực chung cư CC04.

Yêu cầu Công ty cổ phần Phát triển và Kinh doanh Nhà dừng thi công xây dựng công trình.

Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính, Công ty cổ phần Phát triển và Kinh doanh Nhà phải làm thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng. Hết thời hạn 60 ngày kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính, Công ty cổ phần Phát triển và Kinh doanh Nhà không xuất trình với người có thẩm quyền xử phạt giấy phép xây dựng thì bị áp dụng biện pháp buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng vi phạm.

Ngày 14/5/2019, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T ban hành quyết định số 1502/QĐ-XPHC. Nội dung quyết định như sau:

- Căn cứ vào Điều 57, Điều 68 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

- Căn cứ Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở.

- Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số 14/BB-VPHC lập hồi 15 giờ 30 phút ngày 06/5/2019 tại khu CC04 thuộc khu D Dự án Khu đô thị AP, phường BA, quận T thành phố H, đối với Công ty cổ phần Phát triển và Kinh doanh Nhà.

- Căn cứ Quyết định số 1169/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 của Chủ tịch UBND quận T về giao quyền xử phạt vi phạm hành chính.

Xử phạt vi phạm hành chính đối với: Công ty cổ phần Phát triển và Kinh doanh Nhà.

Địa chỉ trụ sở chính: số 36 đường BTX, phường BT, quận Y, thành phố H.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300446266. Đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 29/4/2018 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố H cấp.

***Đã có hành vi vi phạm:*** Tổ chức thi công công trình không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng đối với công trình phải lập báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng hoặc lập dự án đầu tư xây dựng tại khu vực chung cư CC04.

Theo điểm c khoản 5, điểm a, b, c khoản 12 Điều 15 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở.

**Hình thức xử phạt tiền:** 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

**Hình thức xử phạt bổ sung:** không.

**Biện pháp khắc phục hậu quả:** Hết thời hạn 60 ngày kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính, Công ty cổ phần Phát triển và Kinh doanh Nhà không xuất trình với người có thẩm quyền xử phạt giấy phép xây dựng thì bị áp dụng biện pháp buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng vi phạm.

Ngày 12/6/2019, Công ty cổ phần Phát triển và Kinh doanh Nhà đã nộp hồ sơ trình Cục Quản lý hoạt động xây dựng, Bộ Xây dựng để được thẩm định hồ sơ.

## **2.2. Câu hỏi pháp lý**

1. Căn cứ nào để xác định vi phạm của Công ty cổ phần Phát triển và Kinh doanh Nhà?
2. Xử lý như thế nào đối với công trình nếu quá thời hạn 60 ngày mà cơ quan có thẩm quyền chưa cấp giấy phép xây dựng?
3. Tại sao công trình này phải thực hiện thủ tục thẩm định hồ sơ trước khi thi công?

## **2.3. Lập luận của các bên**

*\* Lập luận của doanh nghiệp*

Ngày 16/11/1998, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành quyết định số 1042/QĐ-TTg về Dự án đầu tư hạ tầng cơ sở Khu đô thị mới AP, quận T, thành phố H cho Công ty cổ phần Phát triển và Kinh doanh Nhà.

Ngày 13/08/1999, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 783/QĐ-TTg về việc giao đất cho Công ty cổ phần Phát triển và Kinh doanh Nhà để đầu tư hạ tầng cơ sở Khu đô thị AP, thành phố H. Dự án này cũng đã được UBND quận T phê duyệt Quy hoạch chi tiết 1/500. Chủ đầu tư đã nộp tiền sử dụng đất.

Tại điểm b khoản 2 Điều 89 Luật Xây dựng năm 2014 quy định đối tượng được miễn giấy phép xây dựng cụ thể như sau: “*Công trình*

thuộc dự án đầu tư xây dựng được Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định đầu tư”, thì dự án Khu đô thị mới AP thuộc đối tượng miễn giấy phép xây dựng nên khi triển khai thi công, Công ty cổ phần Phát triển và Kinh doanh Nhà không cần phải tiến hành xin giấy phép xây dựng mà chỉ nộp toàn bộ hồ sơ pháp lý của dự án bao gồm: thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật thi công, phòng cháy chữa cháy... trình Bộ Xây dựng phê duyệt.

Chủ tịch UBND quận T ban hành Quyết định số 1502/QĐ-UBND xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty cổ phần Phát triển và Kinh doanh Nhà về hành vi: Tổ chức thi công công trình không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép là trái quy định của pháp luật.

*\* Lập luận của người có thẩm quyền xử phạt*

Phía UBND quận T xử phạt Công ty cổ phần Phát triển và Kinh doanh Nhà đã tổ chức thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng đối với công trình có yêu cầu phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật, đầu tư xây dựng hoặc lập dự án đầu tư xây dựng, tại khu vực Chung cư CC04, thuộc khu D, dự án Khu đô thị AP, phường BA, quận T là đúng pháp luật.

Căn cứ pháp lý là: Theo Điều 166 Luật Xây dựng 2014 về điều khoản chuyển tiếp quy định như sau: “1. Dự án đầu tư xây dựng đã được phê duyệt trước ngày Luật này có hiệu lực thì không phải phê duyệt lại, các hoạt động tiếp theo chưa được thực hiện thì thực hiện theo quy định của Luật này”.

#### **2.4. Kinh nghiệm cho doanh nghiệp**

Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ

tăng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở đã có nhiều sửa đổi, bổ sung theo hướng tăng mức tiền phạt tối đa trong lĩnh vực hoạt động đầu tư xây dựng là 1 tỷ đồng đối với tổ chức, mức phạt tiền đối với cá nhân bằng 1/2 mức phạt tiền đối với tổ chức.

Nghị định cũng quy định cụ thể hành vi vi phạm hành chính, mức xử phạt đối với người quyết định đầu tư, chủ đầu tư hoặc chủ sở hữu, người quản lý, sử dụng công trình. Trong đó hành vi xây dựng sai phép, kể cả sửa chữa, cải tạo và cấp phép xây dựng mới hay xây dựng không phép đều có cùng cách thức xử lý. Nếu hành vi vi phạm đã kết thúc thì buộc tháo dỡ công trình, phần công trình vi phạm, nếu đang thi công, lực lượng chức năng lập biên bản vi phạm hành chính, yêu cầu dừng thi công, trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày lập biên bản, tổ chức, cá nhân vi phạm phải làm thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh hoặc cấp giấy phép xây dựng. Hết thời hạn này mà tổ chức, cá nhân không xuất trình được giấy phép xây dựng, hoặc giấy phép xây dựng được điều chỉnh thì sẽ bị áp dụng biện pháp buộc tháo dỡ công trình, phần công trình vi phạm. Ngoài ra, sau khi được cấp hoặc điều chỉnh giấy phép xây dựng, nếu công trình, phần công trình đã xây dựng không phù hợp với giấy phép xây dựng thì phải tháo dỡ công trình, phần công trình đó mới được tiếp tục xây dựng, đây là những quy định mới của Nghị định số 139/2017/NĐ-CP.

Như vậy, kể từ thời điểm Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng, có hiệu lực ngày 15/01/2018, các công trình sai phạm mà không được điều chỉnh giấy phép xây dựng trong thời hạn quy định sẽ phải buộc tháo dỡ. Việc bỏ quy định cho chủ đầu tư nộp tiền để được cấp giấy phép xây dựng, hợp thức hóa công trình đã có sai phạm tại khoản 9 Điều 13 Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt trong hoạt động xây dựng, sẽ hạn chế được các hành vi sai phạm, tiêu cực trong công tác quản lý xây dựng.

Mặc dù chế tài xử phạt trong hoạt động xây dựng đã được điều chỉnh, bổ sung nhưng thời gian qua các hành vi vi phạm về trật tự xây dựng vẫn diễn ra rất phổ biến. Tình trạng một số chủ đầu tư thi công kiểu “tiền trăm hậu tấu” để điều chỉnh quy hoạch, tăng tầng cao công trình nhưng vẫn chưa bị các cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra làm minh bạch về tính pháp lý của dự án.

Từ các vụ việc xử lý vi phạm hành chính nêu trên, kinh nghiệm rút ra cho doanh nghiệp là khi thi công xây dựng công trình cần tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật xây dựng và pháp luật liên quan về điều kiện khởi công công trình, đảm bảo trật tự xây dựng, như: Xây dựng công trình phải phù hợp với quy hoạch xây dựng được duyệt; không vi phạm chỉ giới xây dựng; xây dựng công trình phải đúng thiết kế xây dựng được thẩm định, phê duyệt trong trường hợp được miễn giấy phép xây dựng của cơ quan có thẩm quyền...

## **V. QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP TRONG LĨNH VỰC THUẾ, HẢI QUAN**

### **1. Vụ việc thứ nhất**

#### **1.1. Tình tiết vụ việc**

Ngày 18/4/2008, Công ty S được Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh BD cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 462045000433. Tại Điều 2 của Giấy chứng nhận đầu tư quy định:

1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy Công ty S.

2. Mục tiêu và quy mô của dự án: Sản xuất gia công vật liệu làm vỏ bọc khuôn, vật liệu làm khuôn bằng sắt, thép 1.600 tấn/năm; kim loại nguyên chất, hợp kim sắt, hợp kim cao cấp 710 tấn/năm; chất phụ gia, ti-tan và hợp kim ti-tan 2.100 tấn/năm; dây kim loại đặc biệt và que hàn, hợp kim dùng trong không gian, vật liệu 3c 30 tấn/năm; hợp kim đồng và nhôm 100 tấn/năm; chất khoáng, chất kết dính 800 tấn/năm.

3. Địa điểm thực hiện dự án: Lô C1-3-3, Khu công nghiệp ĐĐ, huyện U, tỉnh BD. Diện tích đất sử dụng: 11.069 m<sup>2</sup>.

4. Tổng vốn đầu tư: 1.200.000 Đô la Mỹ, tương đương 19,2 tỷ đồng.

5. Thời gian thực hiện dự án là 47 năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đầu tư.

6. Tiến độ thực hiện dự án: Khởi công xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị 08 tháng. Sản xuất chính thức tháng 01/2009.

7. Doanh nghiệp khi thực hiện dự án nêu tại Điều 2 được ưu đãi như sau:

Doanh nghiệp có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước Việt Nam:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 15% lợi nhuận thu được trong mười hai năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh; Thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 28% cho thời gian còn lại.

- Doanh nghiệp được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo...

Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đầu tư, Công ty S đã tiến hành các thủ tục cần thiết phải có khi xây dựng nhà xưởng như sau:

Báo cáo khảo sát địa chất công trình tháng 7/2008 của Liên hiệp Khảo sát địa chất công trình - nền móng và môi trường của nhà xưởng Công ty S (thuộc Tổng hội Địa chất Việt Nam).

Ngày 21/7/2009, Công ty S ký Hợp đồng xây dựng số 701-09-HĐXD/ĐN-HS với Công ty Đ và ký Phụ lục hợp đồng ngày 29/4/2010 để gia hạn thời gian hoàn công đến ngày 30/6/2010.

Ngày 07/12/2009, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh BD cấp Giấy phép xây dựng số 109/GPXD cho Công ty S được phép xây dựng nhà xưởng sản xuất tại lô C1-3-3, Khu công nghiệp ĐĐ, thành phố M, tỉnh BD.

Ngày 26/4/2010, Bản nghiệm thu để đưa công trình vào sử dụng giữa Công ty S và Công ty Đ được ký kết.

Ngày 07/6/2010, theo nội dung Biên bản số 42/BB-BQL về việc kiểm tra hồ sơ nghiệm thu công trình để đưa vào sử dụng của Ban Quản lý các khu công nghiệp BD đã tiến hành những việc sau:

- Kiểm tra danh mục hồ sơ nghiệm thu xây dựng hoàn thành công trình đã lập giữa chủ đầu tư (Công ty S) và nhà thầu thi công xây dựng (Công ty Đ).

- Kiểm tra tính pháp lý và chất lượng của hồ sơ nghiệm thu hoàn thành.

Ngày 18/5/2016, Cục Thuế tỉnh BD tiến hành kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế tại Công ty S niên độ kiểm tra từ năm 2008 - 2013.

Kết luận kiểm tra: Cục Thuế xác định từ tháng 4/2008 đến tháng 02/2010, Công ty S chỉ phát sinh hoạt động kinh doanh thương mại nhưng không hoạt động tại địa điểm đã đăng ký kinh doanh. Sau khi cấp Giấy chứng nhận đầu tư, công ty không phát sinh hoạt động kinh doanh như đã cam kết. Công ty S thực hiện không đúng nội dung dự án đầu tư đã đăng ký tại Điều 2 Giấy chứng nhận đầu tư số 462045000433 do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh BD cấp ngày 18/4/2008. Công ty S không đủ điều kiện để được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với cơ sở sản xuất mới thành lập từ dự án đầu tư trong khu công nghiệp theo như hướng dẫn tại Thông tư số 134/2007/

TT-BTC ngày 23/11/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Ngày 20/5/2016, căn cứ Kết luận kiểm tra thuế, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh BD ban hành Quyết định số 2549/QĐ-CT ngày 20/5/2016 xử lý thuế, xử phạt vi phạm hành chính qua kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế đối với Công ty S, có địa chỉ tại Lô C1-3-3 Khu công nghiệp ĐĐ, thành phố M, tỉnh BD; người đại diện theo pháp luật: Ông Lin Ch, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Nội dung quyết định xử phạt:

**Truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp:** 1.810.086.769 đồng (năm 2012 - 2013).

Tiền chậm nộp: 773.252.856 đồng.

**Phạt vi phạm hành chính:** 324.138.717 đồng.

Ngày 25/5/2016, Công ty S khiếu nại đối với Quyết định số 2549/QĐ-CT ngày 20/5/2016 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh BD. Ngày 07/7/2016, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh BD ban hành tiếp Quyết định số 3993/QĐ-CT bác yêu cầu khiếu nại của Công ty S. Công ty S khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định: Quyết định số 2549/QĐ-CT ngày 20/5/2016, Quyết định số 3993/QĐ-CT ngày 07/7/2016 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh BD. Ngày 12/9/2016, Tòa án tỉnh BD thụ lý vụ án hành chính.

## ***1.2. Câu hỏi pháp lý***

- 1. Tại sao Công ty S không được chấp nhận hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp?*
- 2. Các trở ngại khách quan do Công ty S đưa ra có được quy định để được miễn thuế, giảm thuế không?*
- 3. Có sai lầm áp dụng pháp luật trong việc xác định vi phạm của Công ty S không?*
- 4. Căn cứ nào để tính mức tiền phạt của cơ quan thuế?*

### ***1.3. Lập luận của các bên***

#### ***\* Lập luận của doanh nghiệp***

Là doanh nghiệp đầu tư nước ngoài khi đến đầu tư tại Việt Nam, Công ty S luôn luôn đề cao việc chấp hành pháp luật Việt Nam. Khi đã đầu tư bằng vốn và thiết bị vào khu công nghiệp, Công ty S hoàn toàn tin tưởng ở những chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp kịp thời và đúng lúc của chính quyền địa phương.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện dự án, doanh nghiệp đã gặp những trở ngại khách quan phát sinh ngoài ý muốn như: Tình hình kinh tế vào những năm 2008 - 2009 không được thuận lợi, do kinh tế toàn cầu bị khủng hoảng trầm trọng, đây là bối cảnh chung vào thời điểm này. Quá trình hoàn thành các thủ tục pháp lý để kịp đưa dự án vào sản xuất chính thức, Công ty S đã gặp phải rất nhiều trở ngại, khó khăn, áp lực về các thủ tục hành chính như ký kết các hợp đồng thuê lại đất, xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xin giấy phép xây dựng, hợp đồng thi công, bảo đảm tiến độ thi công...

Mặc dù vậy, Công ty S vẫn thực hiện dự án chứ không phải tạm ngừng, và vẫn tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam về thủ tục đầu tư, với mong muốn góp phần giải quyết công ăn việc làm cho người lao động, đồng thời đóng góp cho sự phát triển của tỉnh BD.

Cục Thuế tỉnh BD đã không xem xét khách quan và toàn diện đối với tình hình thực tế tại thời điểm thực hiện dự án nói chung và nói riêng của Công ty S, dẫn đến việc ban hành quyết định xử phạt làm ảnh hưởng đến uy tín, quyền và lợi ích hợp pháp của công ty.

Căn cứ các điều 11, 19, 21, 28, 33, 34 Luật Đầu tư năm 2005; khoản 2, khoản 3 Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27/7/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp, thời điểm Công ty S đi vào hoạt động là tháng 01/2011 và có lãi năm 2012. Theo pháp luật về đầu tư thì công ty được chuyển lỗ trong thời gian 02 năm. Mặt khác, qua 08 lần thay đổi Giấy chứng nhận đầu tư, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh BD vẫn giữ nguyên ưu đãi cho công ty. Căn

cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư về địa bàn hưởng ưu đãi đầu tư, Công ty S cũng thuộc trường hợp được ưu đãi. Như vậy, căn cứ điểm a khoản 7 của Giấy chứng nhận đầu tư thì Công ty S vẫn được hưởng ưu đãi. Khoản 2 Điều 64 Luật Đầu tư năm 2005 cũng quy định trường hợp không triển khai dự án thì không được hưởng ưu đãi thuế, Công ty S vẫn triển khai dự án nhưng chỉ là chậm. Từ tháng 07/2008, công ty phải làm báo cáo khảo sát công trình, ban đầu vị trí xây dựng xưởng được cấp ở huyện U, sau này chuyển về thành phố M. Ngày 21/7/2009, Công ty mới làm hợp đồng xây dựng, đến tháng 02/2010 mới được cấp Giấy chứng nhận đầu tư, việc hoàn tất các thủ tục về nghiệm thu cũng mất rất nhiều thời gian, ảnh hưởng tới việc bắt đầu sản xuất, kinh doanh của công ty. Do Công ty S bắt đầu hoạt động từ năm 2010, vì vậy đề nghị Cục trưởng Cục Thuế tỉnh BD xem xét cho Công ty S được hưởng ưu đãi thuế, nếu không được ưu đãi thuế Công ty S yêu cầu hủy Quyết định số 3993/QĐ-CT ngày 07/7/2016 và Quyết định số 2549/QĐ-CT ngày 20/5/2016 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh BD (thời điểm kiểm tra ngày 18/5/2016; theo niên độ từ năm 2008 - 2013).

*\* Lập luận của người có thẩm quyền xử phạt*

Căn cứ theo Bản giải trình số CV/l 3-09-HS của Công ty S do ông Ting Lu S ký ngày 18/11/2015 (theo giấy ủy quyền ngày 20/6/2013) thì Công ty S được Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh BD cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 462045000433 ngày 18/4/2008 nhưng đến tháng 3/2010 mới triển khai xây dựng nhà xưởng, sản xuất chính thức vào tháng 01/2011.

Căn cứ kết quả kiểm tra thuế tại trụ sở Công ty S, Cục Thuế xác định từ tháng 4/2008 đến tháng 02/2010, Công ty S chỉ phát sinh hoạt động kinh doanh thương mại nhưng không hoạt động tại địa điểm đã đăng ký kinh doanh. Do sau khi cấp Giấy chứng nhận đầu tư, Công ty S không phát sinh hoạt động kinh doanh như đã cam kết và thực hiện

không đúng nội dung dự án đầu tư đã đăng ký tại Điều 2 Giấy chứng nhận đầu tư số 462045000433 do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh BD cấp ngày 18/4/2008.

Căn cứ vào các quy định của pháp luật :

- Khoản 1 Điều 20 Luật Đầu tư năm 2005 quy định về nghĩa vụ của nhà đầu tư; Điều 37 Luật Đầu tư năm 2005 quy định về ưu đãi đối với nhà đầu tư đầu tư vào khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế; khoản 2 Điều 64 Luật Đầu tư năm 2005 quy định về việc tạm ngừng dự án, thu hồi giấy chứng nhận đầu tư; Khoản 2 Điều 28 Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư quy định về việc điều chỉnh, bổ sung ưu đãi đầu tư: *“Trong quá trình thực hiện dự án đầu tư, nếu nhà đầu tư không đáp ứng điều kiện hưởng ưu đãi đầu tư thì không được hưởng ưu đãi đầu tư”*.

- Khoản 4 Điều 35 Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Điều 16 Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp quy định về việc miễn thuế, giảm thuế.

- Khoản 6 Điều 2 Giấy chứng nhận đầu tư số 462045000433 do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh BD cấp cho Công ty S ngày 18/4/2008 có nêu: *“Tiến độ thực hiện dự án: Khởi công xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị 08 tháng. Sản xuất chính thức tháng 01/2009”*.

- Khoản 2, khoản 3 Điều 18 Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27/7/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 và hướng dẫn thi hành Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008, Nghị định số 122/2011/NĐ-CP ngày 27/12/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp: *“2. Nguyên tắc áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp: ... c) Dự án đầu tư là*

*tập hợp các đề xuất bỏ vốn trung và dài hạn để tiến hành các hoạt động đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư... 3. Việc ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo diện doanh nghiệp mới thành lập từ dự án đầu tư chỉ áp dụng đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh đáp ứng điều kiện ưu đãi đầu tư ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu của doanh nghiệp...”.*

Như vậy, theo quy định pháp luật, nhà đầu tư phải có trách nhiệm báo cáo về tiến độ đầu tư cho Ban Quản lý các khu công nghiệp, cơ quan thuế không có thẩm quyền quản lý về tiến độ đầu tư. Thực tế, Công ty S có Giấy chứng nhận đầu tư vào tháng 01/2009, đến tháng 11/2011 mới đi vào hoạt động, như vậy Công ty S đã chậm tiến độ hơn 24 tháng. Điều 7 Giấy chứng nhận đầu tư cũng đã quy định về ưu đãi khi thực hiện đúng Điều 2 Giấy chứng nhận. Công ty S không thực hiện đúng, cũng không thông báo bằng văn bản cho Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh BD trong khi chưa được điều chỉnh về tiến độ đầu tư, xem như đã vi phạm các quy định về đầu tư nên không được hưởng các ưu đãi đầu tư. Cục Thuế tỉnh BD ban hành các văn bản xử lý vi phạm về thuế, không chấp nhận yêu cầu của Công ty S là có căn cứ.

#### ***1.4. Kinh nghiệm cho doanh nghiệp***

- Khi giãn tiến độ đầu tư dự án, Công ty S đã không có văn bản nào thông báo về việc xin giãn tiến độ đầu tư dự án đối với cơ quan có thẩm quyền là chưa đúng quy định của pháp luật về đầu tư.

- Công ty S đã triển khai thực hiện dự án chậm so với tiến độ tại giấy chứng nhận đầu tư, nhưng vẫn tiếp tục thực hiện dự án. Khi triển khai chậm tiến độ đầu tư, Công ty S đã chứng minh được không do lỗi chủ quan của công ty mà vì các điều kiện về khách quan như thay đổi địa giới địa điểm xây dựng xưởng từ huyện U về thành phố M; do khủng hoảng kinh tế chung toàn cầu và các thủ tục pháp lý cần thiết trước khi tiến hành xây dựng nhà xưởng để đưa vào sản xuất.

- Công ty cũng đã chứng minh được theo quy định của pháp luật

hiện hành không có văn bản pháp luật nào quy định việc chậm tiến độ đầu tư thì sẽ không được hưởng ưu đãi về thuế. Đồng thời chứng minh các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty được xác định tại Giấy chứng nhận đầu tư do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh BD cấp ngày 18/4/2008 áp dụng theo tiến độ đi vào hoạt động thực tế của công ty và các văn bản hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành quy định.

- Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi cho Công ty S, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh BD vẫn khẳng định các ưu đãi về thuế mà Công ty được hưởng là một trong các tài liệu quan trọng để chứng minh lập luận của công ty.

## **2. Vụ việc thứ hai**

### **2.1. Tình tiết vụ việc**

Ngày 08/9/2016, Công ty V có Công văn số 465/CV-VNC về việc giải trình số liệu kiểm toán chưa thống nhất tại biên bản xác nhận số liệu ngày 01/9/2016 của Kiểm toán Nhà nước khu vực XII.

Ngày 30/11/2016, Kiểm toán Nhà nước khu vực XII có Công văn số 294/KTXII-TH về việc kiến nghị tăng thu, giảm chi ngân sách nhà nước qua kiểm tra kiểm toán ngân sách địa phương năm 2015 tại tỉnh ĐL.

Ngày 21/12/2016, Công ty V có Công văn giải trình số 634/CV-VNC ngày 21/12/2016 về việc xác định thu nhập tính thuế tăng thêm của dự án đầu tư nâng công suất của Nhà máy Thủy điện ĐN.

Ngày 15/3/2017, Kiểm toán Nhà nước khu vực XII đã có Công văn số 54/KVXII-TH trả lời Công ty V với nội dung: Không đồng ý về giải trình của công ty, khẳng định việc tính toán của công ty và các đoàn thanh tra, kiểm tra trước đây về nội dung xác định miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp là không đúng.

Ngày 28/4/2017, Cục Thuế tỉnh ĐL đã lập biên bản làm việc với Công ty V để xác định một số nội dung theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước.

Ngày 05/5/2017, Cục Thuế tỉnh ĐL lập biên bản vi phạm hành chính Công ty V về hành vi khai sai thu nhập doanh nghiệp năm 2009, 2010, 2011 và 2012, dẫn đến thiếu thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp, với số tiền là 669.648.213 đồng.

Trong đó:

- Năm 2009 số tiền là 108.040.306 đồng;
- Năm 2010 số tiền là 47.487.289 đồng;
- Năm 2011 số tiền là 208.018.494 đồng;
- Năm 2012 số tiền là 306.102.124 đồng.

Biên bản lập căn cứ theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 98/2007/NĐ-CP ngày 07/6/2007 của Chính phủ quy định về xử lý vi phạm pháp luật về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế.

Ngày 11/5/2017, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh ĐL đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế số 762/QĐ-CT đối với Công ty V. Nội dung như sau:

- Phạt hành vi khai sai: 30.610.212 đồng
- Biện pháp khắc phục hậu quả: truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp: 669.648.213 đồng; tiền chậm nộp: 528.625.725 đồng.

Ngày 06/6/2017, Công ty V khởi kiện đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 762/QĐ-CT của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh ĐL.

## **2.2. Câu hỏi pháp lý**

1. Căn cứ vào đâu để kết luận Công ty V không hạch toán riêng phần thu nhập tăng thêm dẫn đến thiếu thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp?
2. Cơ sở pháp lý nào để xác định số tiền thuế thiếu của Công ty V?
3. Dựa vào công văn của Kiểm toán Nhà nước để lập biên bản vi phạm hành chính về hành vi khai sai thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty V có hợp pháp không?

### **2.3. Lập luận của các bên**

#### *\* Lập luận của doanh nghiệp*

Công ty V được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6000382XXX do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh ĐL cấp ngày 16/02/2001, đăng ký thay đổi lần 12 ngày 13/7/2016.

Ngày 11/3/2003, Công ty V được UBND tỉnh ĐL cấp Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 11/GP-UB để thực hiện dự án đầu tư nâng cấp công suất Nhà máy thủy điện ĐN. Theo đó, các khoản ưu đãi công ty được hưởng đối với dự án trên bao gồm: Được áp dụng mức thuế thu nhập doanh nghiệp là 15%; được miễn 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp cho 07 năm tiếp theo cho phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mang lại; được kéo dài thời gian miễn thuế thu nhập doanh nghiệp thêm 02 năm và giảm 50% thêm 02 năm; doanh nghiệp không phải nộp thuế thu nhập bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp...

Năm 2003, dự án của công ty hoàn thành đưa vào sử dụng. Căn cứ giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư đã được cấp thì từ năm 2003 đến năm 2006, công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp; từ năm 2007 đến năm 2013 được giảm 50% số thuế phải nộp. Công ty đã thực hiện kê khai, quyết toán thuế theo đúng quy định của pháp luật.

Năm 2012, Thanh tra tỉnh ĐL đã thực hiện thanh tra hoạt động sản xuất, kinh doanh; việc thực hiện nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước trong năm 2009, 2010 của công ty và xác định công ty kê khai thiếu 136.352.909 đồng tiền thuế giá trị gia tăng; 23.843.497 đồng tiền thuế thu nhập doanh nghiệp. Ngày 09/01/2012, Chánh Thanh tra tỉnh đã ban hành Quyết định số 03/QĐ-TTr truy thu số tiền 160.196.406 đồng của công ty.

Năm 2013, Cục Thuế tỉnh ĐL tiếp tục thanh tra thuế tại công ty trong kỳ thanh tra năm 2011, 2012 và xác định công ty kê khai thiếu 4.901.000 đồng tiền thuế giá trị gia tăng; 50.485.485 đồng tiền thuế thu nhập doanh nghiệp. Ngày 05/02/2013, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh ĐL đã

ban hành Quyết định số 150/QĐ-CT truy thu số tiền thuế 55.386.485 đồng của công ty, đồng thời xử phạt công ty số tiền là 5.538.648 đồng về hành vi khai sai, 624.878 đồng tiền phạt chậm nộp. Công ty cũng đã thực hiện xong các quyết định trên.

Đến ngày 11/5/2017, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh ĐL lại tiếp tục ban hành Quyết định số 762/QĐ-CT xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với công ty là trái pháp luật vì công ty không có hành vi vi phạm.

Việc lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính về hành vi khai sai được xác định dựa vào công văn của Kiểm toán Nhà nước là không đúng các quy định của pháp luật trong lĩnh vực thuế.

*\* Lập luận của người có thẩm quyền xử phạt*

Cục trưởng Cục Thuế tỉnh ĐL căn cứ vào Công văn số 54/KVXII-TH ngày 15/3/2017 của Kiểm toán Nhà nước khu vực XII trả lời Công ty V với nội dung: Không đồng ý về giải trình của công ty; khẳng định việc tính toán của công ty và các đoàn thanh tra, kiểm tra trước đây về nội dung xác định miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp là không đúng. Căn cứ kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước khu vực XII, ngày 28/4/2017, Cục Thuế tỉnh ĐL đã lập biên bản làm việc với công ty để xác định một số nội dung theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước, và lập biên bản vi phạm hành chính, ra quyết định xử phạt là đúng quy định của pháp luật.

#### **2.4. Kinh nghiệm cho doanh nghiệp**

- Công ty V đã chứng minh được trên thực tế có hạch toán riêng được phần thu nhập tăng thêm từ hoạt động của Nhà máy thủy điện ĐN trong các kỳ tính thuế từ năm 2009 đến năm 2012 như:

+ Về doanh thu, công ty xuất hóa đơn bán điện và hạch toán riêng doanh thu của Nhà máy thủy điện ĐN;

+ Về các khoản chi phí trực tiếp phục vụ cho Nhà máy thủy điện ĐN: Khấu hao tài sản cố định, lương công nhân trực tiếp, phân bổ công cụ, chi phí vận hành... công ty đã tập hợp để tính giá thành sản phẩm điện bán ra;

+ Về các khoản chi phục vụ chung cho toàn công ty được tính phân bổ theo tiêu thức nhất định, công ty hạch toán cụ thể các khoản lãi, lỗ của Nhà máy thủy điện ĐN, có bản kê chi tiết tài khoản năm 2009 - 2012 kèm theo.

- Chứng minh được việc Cục trưởng Cục Thuế tỉnh ĐL áp dụng Thông tư số 134/2007/TT-BTC đã hết hiệu lực để xác định Công ty V khai sai trong các kỳ tính thuế từ năm 2009 đến năm 2012 (xác định vi phạm hành chính) là không đúng quy định của pháp luật - vi phạm nguyên tắc áp dụng pháp luật theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật tại thời điểm đó.

### **3. Vụ việc thứ ba**

#### **3.1 Tình tiết vụ việc**

Hồi 10 giờ 30 phút ngày 18/01/2019, Chi cục Hải quan NB căn cứ kết quả kiểm tra sau thông quan tại trụ sở Hải quan, Đội quản lý thuế Chi cục Hải quan NB lập biên bản vi phạm hành chính đối với Công ty TNHH STL có địa chỉ trụ sở chính: Thôn TT, xã PU, huyện SD, tỉnh TQ; Mã số doanh nghiệp: 5000294983, đăng ký lần đầu ngày 05/6/2008; người đại diện theo pháp luật: ông V. Pea, chức vụ Giám đốc, hộ chiếu: E4084165, nơi cấp Australia.

Đã có hành vi vi phạm hành chính: *Khai sai mã hàng hóa, thuế suất thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng dẫn đến thiếu số thuế phải nộp đối với mặt hàng phụ kiện cho máy kéo, các model khác* (Mã số hồ sơ công ty khai báo là 84369929, thuế suất thuế nhập khẩu 0%, thuế suất thuế giá trị gia tăng 0%) quy định tại điểm c khoản 1 Điều 13 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP ngày 15/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 45/2016/NĐ-CP ngày 25/6/2016 của Chính phủ.

Ngày 23/01/2019, Chi Cục phó Chi cục Hải quan NB căn cứ:

- Điều 57, Điều 68 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012;
- Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23/6/2014;

- Căn cứ Nghị định số 127/2013/NĐ-CP ngày 15/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan, Nghị định số 45/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2013/NĐ-CP;

- Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC ngày 18/01/2019 của Đội Quản lý thuế, Chi cục Hải quan NB;

- Căn cứ Quyết định giao quyền xử phạt số 1194/QĐGQXP ngày 17/6/2018 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan NB;

- Căn cứ kết quả xác minh và các tài liệu có trong hồ sơ.

Xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty TNHH STL:

***Đã thực hiện hành vi:*** Khai sai mã số thuế hàng hóa quy định tại điểm c khoản 1 Điều 13 Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 15/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan, tiết b điểm 1 khoản 10 Điều 1 Nghị định số 45/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2013/NĐ-CP.

***Hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả:***

- Phạt 1 lần số tiền thuế khai thiếu số tiền là 76.974. 612 đồng;

- Biện pháp khắc phục hậu quả: không.

## ***2.2. Câu hỏi pháp lý***

1. Các căn cứ để công ty khai báo mã số hàng hóa?

2. Tại sao Chi cục Hải quan không chấp nhận mã số hàng hóa, thuế suất do công ty khai báo?

3 Công ty phải xuất trình những tài liệu gì để chứng minh đã khai đúng mã số hàng hóa?

### **2.3. Lập luận của các bên**

#### *\* Lập luận của doanh nghiệp*

Do nhân viên của công ty thiếu kinh nghiệm nên khi khai báo hải quan, công ty áp dụng Công văn số 12848/BTC-CST ngày 15/9/2015 của Bộ Tài chính, công ty hiểu nhầm phụ kiện được nhập như: vòng bi, gioăng, dây cu roa... là phụ kiện đồng bộ của máy kéo dùm trong nông nghiệp nên áp mã số hàng hóa là 84369929, thuế nhập khẩu 0% và miễn thuế giá trị gia tăng.

Sau khi làm việc với cơ quan Hải quan, được cơ quan Hải quan giải thích công ty chấp nhận điều chỉnh lại mã số hàng hóa và thuế suất thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng theo ý kiến của cơ quan Hải quan.

#### *\* Lập luận của người có thẩm quyền xử phạt*

Theo quy định của pháp luật về hải quan, các mặt hàng như: vòng bi, gioăng, bánh răng, dây cu roa... phải xếp vào mã hàng hóa khác nhau được định danh như: vòng bi là mã số 8482, dây cu roa là mã số 4010...

Hành vi khai sai mã số hàng hóa của công ty do cơ quan Hải quan phát hiện khi tiến hành kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan Hải quan, nên công ty bị xử phạt vi phạm hành chính là có căn cứ, đúng pháp luật.

### **2.4. Kinh nghiệm cho doanh nghiệp**

Theo quy định tại khoản 4 Điều 29 Luật Hải quan năm 2014, điểm b.2 khoản 1 Điều 20 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, thì khai bổ sung được thực hiện khi người khai hải quan có sai sót trong việc khai báo (có hành vi khai sai).

Trường hợp khai sai mà được khắc phục (khai bổ sung) trong thời hạn quy định thì không bị xử phạt vi phạm hành chính; trường hợp khai sai nhưng không được khắc phục (khai bổ sung) trong thời hạn quy định thì bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

Doanh nghiệp cần lưu ý thực hiện khai bổ sung hồ sơ hải quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo đúng quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

- Khai bổ sung trong thông quan:

Doanh nghiệp được khai bổ sung hồ sơ hải quan trước thời điểm cơ quan Hải quan thông báo kết quả phân luồng tờ khai hải quan cho người khai hải quan.

Trong trường hợp doanh nghiệp phát hiện sai sót trong việc khai hải quan sau thời điểm cơ quan Hải quan thông báo kết quả phân luồng nhưng trước khi thông quan thì được khai bổ sung hồ sơ hải quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Nếu doanh nghiệp thực hiện khai bổ sung hồ sơ hải quan theo yêu cầu của cơ quan Hải quan khi cơ quan Hải quan phát hiện sai sót, không phù hợp giữa thực tế hàng hóa, hồ sơ hải quan với thông tin khai báo trong quá trình kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế hàng hóa thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

- Khai bổ sung sau khi hàng hóa đã được thông quan:

Doanh nghiệp xác định có sai sót trong việc khai hải quan thì được khai bổ sung hồ sơ hải quan trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày thông quan nhưng trước thời điểm cơ quan Hải quan quyết định kiểm tra sau thông quan, thanh tra.

Quá thời hạn 60 ngày kể từ ngày thông quan và trước khi cơ quan Hải quan quyết định kiểm tra sau thông quan, thanh tra doanh nghiệp mới phát hiện sai sót trong việc khai hải quan thì thực hiện khai bổ sung và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Khi bị kiểm tra sau thông quan, nếu cơ quan Hải quan phát hiện có hành vi khai sai, thì doanh nghiệp cần chấp hành yêu cầu của cơ quan Hải quan giao nộp đầy đủ hồ sơ nhập khẩu gồm:

- Tờ khai hải quan (bản in từ hệ thống);
- Các chứng từ kèm theo như: Invoice số .... ngày.....;
- Airway Bill số.....;
- Chứng từ thanh toán;
- Tài liệu kỹ thuật của nhà máy sản xuất (đối với hàng hóa)...

Từ các vụ xử phạt đối với doanh nghiệp nêu trên cho thấy, vi phạm hành chính đã và đang tạo ra những ảnh hưởng tiêu cực không nhỏ đến hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; tác động xấu đến môi trường sản xuất, kinh doanh, đầu tư và trật tự, an toàn xã hội cũng như đời sống, sinh hoạt của nhân dân. Vì vậy, xử phạt vi phạm hành chính là công cụ quan trọng nhằm duy trì trật tự, kỷ cương trong quản lý hành chính của Nhà nước ta.

## MỤC LỤC

<i>Lời giới thiệu</i>	5
-----------------------	---

### Phần A

<b>MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN DOANH NGHIỆP VI PHẠM PHÁP LUẬT</b>	7
--	---

1. Vi phạm hành chính	9
2. Đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính	15
3. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính	16
4. Các hình thức xử phạt vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả	18
5. Thẩm quyền xử phạt và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả	26
6. Thủ tục xử phạt và thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính	29

### Phần B

<b>XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP VI PHẠM PHÁP LUẬT TRONG MỘT SỐ LĨNH VỰC</b>	45
--	----

I. QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP TRONG LĨNH VỰC KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	47
---	----

II. QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP TRONG LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG	56
III. QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP TRONG HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI, SẢN XUẤT, BUÔN BÁN HÀNG GIẢ, HÀNG CẤM VÀ BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG	60
IV. QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP TRONG HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG	72
V. QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP TRONG LĨNH VỰC THUẾ, HẢI QUAN	82



**NHÀ XUẤT BẢN TƯ PHÁP**

Trụ sở đăng ký: 58 - 60 Trần Phú, Ba Đình, Hà Nội  
Trụ sở chính: 35 Trần Quốc Toàn, P. Trần Hưng Đạo, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Phát hành tại Hà Nội: Điện thoại 024.62632078 - 024.62632079 - Fax: 024.62632080  
Phát hành tại TP. HCM: 200C Võ Văn Tần, P. 5, Q. 3, TP. HCM  
Điện thoại: 0996529999 - Email: phupn@moj.gov.vn  
Email: nxbtpp@moj.gov.vn - Website: <http://nxbtpp.moj.gov.vn>

**Chịu trách nhiệm xuất bản**

**Giám đốc: TS. HỒ QUANG HUY**

**Chịu trách nhiệm nội dung**

**Tổng Biên tập: TS. TRẦN MẠNH ĐẠT**

**Biên tập**

**ThS. NGUYỄN VĂN HUY**

**Biên tập mỹ thuật**

**Họa sỹ ĐẶNG VINH QUANG**

**Trình bày**

**PHẠM VIỆT HÀ**

**Sửa bản in**

**NGUYỄN VĂN HUY**

**Đọc sách mẫu**

**NGUYỄN THỊ HẢI YẾN**

**Đối tác liên kết xuất bản: Ban Quản lý Chương trình  
hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp giai đoạn 2015 - 2020  
Bộ Tư pháp, số 58 - 60 Trần Phú, Ba Đình, Hà Nội**

In 1500 bản, khổ 16 x 24 cm, tại Công ty Cổ phần in Khoa học Công nghệ mới (Số 181 Lạc Long Quân, Cầu Giấy, Hà Nội - Xưởng sản xuất: Đường Phạm Văn Nghị, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội). Số xác nhận đăng ký xuất bản: 4746-2019/CXBIPH/02-430/TP được Cục Xuất bản, In và Phát hành xác nhận đăng ký ngày 20/11/2019. Quyết định xuất bản số 177/QĐ-NXBTP ngày 18/12/2019 của Giám đốc Nhà xuất bản Tư pháp. In xong, nộp lưu chiểu năm 2019.

**ISBN: 978-604-81-1646-0**